

Phan Thanh Hải (chủ biên)
Lê Nhơn - Nguyễn Thị Bình - Lê Hưng Tiến
Lê Tống Ngọc Anh - Nguyễn Phước Bảo Khôi
Ngô Sỹ Tráng - Phạm Mạnh Thắng

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH ĐẮK NÔNG



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



Khởi động

Là thông tin, hình ảnh, câu hỏi liên quan đến nội dung bài học nhằm tạo hứng thú cho các em.



Khám phá

Thông qua kênh hình và kênh chữ giúp các em khai thác, tiếp nhận kiến thức mới.



Luyện tập

Bao gồm các câu hỏi, bài tập giúp các em củng cố kiến thức, hình thành các kỹ năng.



Vận dụng

Gồm các câu hỏi, bài tập để các em vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để đánh giá, giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến bài học.

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Giáo dục địa phương tỉnh Đắk Nông - Lớp 7 được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhằm đem đến cho các em những kiến thức cơ bản về địa lí dân cư - xã hội, ngôn ngữ và văn hoá địa phương, lịch sử của Đắk Nông từ thế kỉ X đến XVIII, các biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, phát triển kinh tế của địa phương. Từ đó, các em sẽ nhận biết được nét đẹp truyền thống và hiện đại của tỉnh Đắk Nông, có thêm tình yêu quê hương và ý thức bảo tồn, phát triển, khai thác các giá trị lịch sử, văn hoá của địa phương.

Xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các tác giả mà chúng tôi sử dụng nguồn, các nhà khoa học đã có những ý kiến đóng góp xác đáng để Ban biên soạn hoàn thành cuốn sách này.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô giáo, các em học sinh và bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
Chủ đề 1	
Địa lí dân cư - xã hội tỉnh Đắk Nông	5
Bài 1. Đặc điểm dân số, phân bố dân cư và quần cư của tỉnh Đắk Nông	5
Bài 2. Một số đặc điểm của nguồn lao động và việc làm ở tỉnh Đắk Nông	9
Bài 3. Cộng đồng các dân tộc ở tỉnh Đắk Nông và một số nét văn hoá đặc trưng	12
Bài 4. Tìm hiểu sự phân bố và giá trị di sản địa chất của Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông	16
Chủ đề 2	
Đắk Nông từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII	21
Bài 1. Quá trình xác lập chủ quyền ở vùng đất Đắk Nông từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII	21
Bài 2. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá ở Đắk Nông từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII	25
Chủ đề 3	
Đắk Nông - một số nét văn hoá đặc trưng	30
Bài 1. Tiếng M'Nông - một số đặc điểm và những nghiên cứu liên quan	31
Bài 2. Mênh mang đêm Ot N'drong	34
Bài 3. Cổ tích công chiêng	36
Chủ đề 4	
Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá của tỉnh Đắk Nông	39
Bài 1. Một số di sản văn hoá của tỉnh Đắk Nông	39
Bài 2. Bảo tồn di sản văn hoá của tỉnh Đắk Nông	43
Chủ đề 5	
Cây công nghiệp ở tỉnh Đắk Nông	47
Chủ đề 6	
Nét đẹp truyền thống	53
Bài 1. Độc đáo thổ cẩm Đắk Nông	53
Bài 2. Họa tiết hoa văn truyền thống của một số dân tộc tại Đắk Nông	57
Bài 3. Thực hành ứng dụng họa tiết thổ cẩm trong đồ họa, chạm khắc và trang trí	60
Bài 4. Thiết kế thời trang: Trang phục dân tộc tại Đắk Nông	64
Chủ đề 7	
Vài nét về âm nhạc Ê Đê trên quê hương Đắk Nông	66
Bài 1. Hát: Lên nương bẻ bắp	66
Bài 2. Một số nhạc cụ truyền thống của người Ê Đê ở tỉnh Đắk Nông. Ôn bài hát: Lên nương bẻ bắp.	69
Bài 3. Giới thiệu nghệ nhân Y Sim ÊBan. Giới thiệu bài hát: Bến nước Buôn Dur Kmăn	73
Bài 4. Ôn tập chủ đề - Vận dụng sáng tạo	77



ĐỊA LÍ DÂN CƯ - XÃ HỘI TỈNH ĐẮK NÔNG

Bài 1. ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ, PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ QUẦN CƯ CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Trình bày được đặc điểm dân số của tỉnh Đắk Nông.
- Trình bày được sự phân bố dân cư và các loại hình quần cư của tỉnh Đắk Nông.



Khởi động

Đắk Nông là tỉnh có quy mô dân số nhỏ, cơ cấu dân số trẻ, phân bố dân cư không đều. Nhờ thực hiện tốt các chính sách dân số nên tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của tỉnh đang có xu hướng giảm và cơ cấu dân số đang có sự thay đổi. Theo em, việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và thay đổi cơ cấu dân số ở tỉnh Đắk Nông có thể mang lại những thuận lợi gì cho địa phương?



Khám phá

1. Dân số và sự gia tăng dân số ở tỉnh Đắk Nông

Năm 2020, số dân toàn tỉnh là 637.907 người (đứng thứ 57 cả nước, thứ 4 trong 05 tỉnh vùng Tây Nguyên).

Bảng 1.1. Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của tỉnh Đắk Nông và cả nước thời kì 2005 - 2020

Năm	Số dân (người)	Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên tỉnh Đắk Nông (%)	Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của cả nước (%)
2005	408.720	2,05	1,33
2010	503.322	1,57	1,03
2015	580.504	1,29	0,94
2020	637.907	1,48	1,02

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2021)



Dựa vào bảng 1.1 và hiểu biết của bản thân, em hãy nêu nhận xét về sự thay đổi của số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở tỉnh Đắk Nông thời kì 2005 - 2020.

Từ khi thành lập đến nay, mặc dù tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên luôn ở mức cao hơn trung bình cả nước nhưng hiện nay đang có chiều hướng giảm. Đây là kết quả của việc triển khai Chiến lược về Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, sự gia tăng dân số của tỉnh còn chịu ảnh hưởng bởi tình trạng nhập cư. Trong một thời gian dài, Đắk Nông luôn là tỉnh có tỉ suất nhập cư cao hơn tỉ suất xuất cư (năm 2019, tỉ suất nhập cư là 3,2%, tỉ suất xuất cư là 2,8%).

2. Cơ cấu dân số theo giới tính và nhóm tuổi

Bảng 1.2. Cơ cấu dân số theo giới tính và nhóm tuổi của tỉnh Đắk Nông (%)

Nhóm tuổi	Năm 2009		Năm 2019	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
0 - 14	17,6	16,4	16,4	15,3
15 - 59	32,6	29,2	32,4	29,7
60 tuổi trở lên	1,8	2,4	2,8	3,4
Tổng số	52,0	48,0	51,6	48,4

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 và năm 2019)



Dựa vào bảng 1.2, hãy nhận xét sự thay đổi cơ cấu dân số theo giới tính và nhóm tuổi của tỉnh Đắk Nông vào các năm 2009 và 2019.

Đắk Nông là tỉnh có tỉ số giới tính (số nam so với 100 nữ) ở mức cao. Tuy nhiên, từ năm 2009 đến nay, tỉ số này đang có xu hướng giảm xuống (từ 108,8 năm 2009 xuống 105,0 năm 2020), nhưng vẫn cao hơn mức trung bình của cả nước (tỉ số giới tính của cả nước năm 2020 là 99,2).



Theo em, nguyên nhân nào khiến tỉ lệ nam luôn cao hơn tỉ lệ nữ ở tỉnh Đắk Nông?

3. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư

3.1. Phân bố dân cư

Mật độ dân số trung bình năm 2009 là 75 người/km², đến năm 2020 là 98 người/km². Tuy nhiên, giữa các địa phương trong tỉnh thì mật độ dân số cũng có chênh lệch tương đối lớn thông qua bảng 1.3 dưới đây. Ngoài ra, dân cư còn tập trung sinh sống chủ yếu ở các vùng nông thôn, năm 2020, có khoảng 16,2% dân số trong tỉnh sinh sống ở thành thị, 83,8% dân số sống ở nông thôn).

Bảng 1.3. Mật độ dân số phân theo huyện, thành phố năm 2020

Huyện/thành phố	Mật độ dân số (người/km ²)
Thành phố Gia Nghĩa	227
Huyện Đắk Glong	48
Huyện Cư Jút	130
Huyện Đắk Mil	149
Huyện Krông Nô	95
Huyện Đắk Song	102
Huyện Đắk R'lấp	135
Huyện Tuy Đức	57

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Đắk Nông năm 2021)



Dựa vào bảng 1.3, em hãy nhận xét sự phân bố dân cư theo đơn vị hành chính ở tỉnh Đắk Nông.

3.2. Các loại hình quần cư

Quần cư nông thôn: Ở vùng nông thôn, người dân thường tập trung thành các điểm dân cư với tên gọi khác nhau tùy theo dân tộc và địa bàn cư trú như thôn (người Kinh và số ít đồng bào dân tộc thiểu số phía Bắc sống đan xen), bon (người M'Nông), buôn (người Ê Đê), bản (người Tày, Nùng).

Quần cư thành thị: Hiện nay, tỉnh Đắk Nông có một đô thị loại III (thành phố Gia Nghĩa), ba đô thị loại IV (thị trấn Ea T'ling (huyện Cư Jút), thị trấn Đắk Mil (huyện Đắk Mil), thị trấn Kiến Đức (huyện Đắk R'lấp)) và năm đô thị loại V (thị trấn Đức An (huyện Đắk Song), thị trấn Đắk Mâm (huyện Krông Nô), xã Đắk Búk So (huyện Tuy Đức), xã Quảng Khê (huyện Đắk Glong), xã Nam Dong (huyện Cư Jút)). Nhìn chung, các đô thị có mật độ dân số tương đối cao. Các đô thị là những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật của tỉnh.



Dựa vào thông tin trong bài và sự hiểu biết của bản thân, em hãy nêu sự khác nhau về lối sống quần cư thành thị và quần cư nông thôn ở tỉnh Đắk Nông.

4. Một số chính sách dân số của tỉnh Đắk Nông

- Giảm tỉ lệ sinh

Việc cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản được cải tiến theo hướng thân thiện. Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, bon được hỗ trợ khi tham gia cung cấp các biện pháp kế hoạch hoá gia đình và các hàng hoá chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với nhu cầu của phụ nữ ở từng vùng. Nhờ đó, tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm từ 2,05% năm 2005 xuống còn 1,48% năm 2020.

- Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Năm 2021, toàn tỉnh có trên 32.300 người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên, trong đó số người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe đạt 81,6%, tỉ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kì đạt 78%.



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy nêu những tác động tích cực của các chính sách dân số ở tỉnh Đắk Nông.



Luyện tập

- 1) Dựa vào bảng 1.1, em hãy cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng:
 - A. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm mạnh nhưng số dân vẫn tăng.
 - B. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm nhưng vẫn còn ở mức cao nên số dân vẫn tăng nhanh.
 - C. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên không thay đổi qua các năm nhưng số dân vẫn thay đổi.
 - D. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và số dân liên tục tăng.

- 2) Nhận định nào sau đây **không** đúng với đặc điểm phân bố dân cư của tỉnh ta?
- A. Dân cư phân bố không đồng đều theo đơn vị hành chính.
 - B. Dân cư tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn.
 - C. Ở phía Nam dân cư tập trung đông hơn ở phía Bắc tỉnh.
 - D. Tỷ lệ dân số thành thị chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng đang có chiều hướng tăng lên.



Vận dụng

Nơi em đang ở thuộc loại hình quần cư nào? Em hãy nêu những thay đổi về lối sống của loại hình quần cư ở địa phương em trong thời gian qua.

Bài 2. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA NGUỒN LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM Ở TỈNH ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được đặc điểm của nguồn lao động ở tỉnh Đắk Nông.
- Trình bày được nguyên nhân thiếu việc làm và cơ cấu sử dụng lao động ở địa phương.
- Đề xuất được một số giải pháp nhằm thu hút nguồn lao động và nâng cao chất lượng nguồn lao động ở tỉnh Đắk Nông.



Khởi động

Theo em, chúng ta cần phải làm gì để góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động của địa phương?



Khám phá

1. Đặc điểm của nguồn lao động

Nguồn lao động dồi dào với 389.072 người, hàng năm tăng 19.594 người. Lao động nam chiếm 53,64%, lao động nữ chiếm 46,36%, (số liệu năm 2021). Người lao động cần cù, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông - lâm nghiệp, tỉ lệ lao động ở nông thôn chiếm đa số. Lực lượng lao động có trình độ ngày càng tăng, tỉ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ là 22,03% trong tổng số lao động toàn tỉnh. Lao động trong khu vực kinh tế ngoài Nhà nước chiếm tỉ lệ cao, với gần 93% trong tổng số lao động đang làm việc toàn tỉnh.

Tuy nhiên, số lượng lao động có trình độ chuyên môn cao nhìn chung còn thấp, nhất là ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.



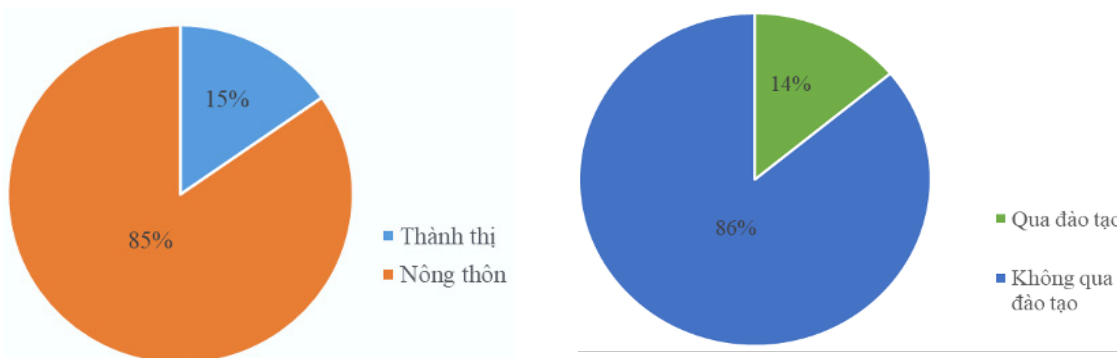
Em hãy nêu những đặc điểm chính của nguồn lao động ở tỉnh Đắk Nông?

2. Việc làm

Trong 5 năm (2016 - 2020), toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 90.969 lượt người, số lao động được tạo việc làm mới và việc làm tăng thêm đạt trên 18.000 lượt người, đào tạo nghề cho 20.122 người. (Nguồn: *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông*). Tuy nhiên, tình trạng thiếu việc làm vẫn còn tồn tại cả các địa phương trong tỉnh. Tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị (3,56%) cao hơn so với nông thôn (0,73%) (số liệu năm 2019). Tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng chậm, trong đó tỉ lệ qua đào tạo nghề còn ít, thiếu lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật. Cơ sở hạ tầng chưa hoàn chỉnh và đồng bộ. Đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.



Theo em, trong những nguyên nhân kể trên thì đâu là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng thiếu việc làm ở địa phương em hiện nay?



Hình 1.1. Biểu đồ cơ cấu sử dụng lao động phân theo thành thị, nông thôn và theo trình độ đào tạo, năm 2019 (%)

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Đắk Nông năm 2020)



Dựa vào hình 1.1, em hãy nhận xét cơ cấu lực lượng lao động phân theo thành thị, nông thôn và phân theo trình độ đào tạo trong năm 2019.

3. Một số giải pháp phát triển nguồn lao động ở tỉnh Đắk Nông

- Nâng cao chất lượng nguồn lao động:

+ Đầu tư phát triển nhân tài bằng cách cử đi học tập đào tạo ở trong và ngoài nước. Chú trọng vào lao động có chất lượng cao, cán bộ quản lý đầu ngành, hỗ trợ kinh phí học tập gắn với một số chế tài đảm bảo đối tượng tham gia đào tạo trở về phục vụ cho địa phương.

+ Đẩy mạnh công tác giáo dục ở các cấp học, chú trọng đào tạo nghề cho người lao động như các nghề truyền thống; tổ chức các lớp tập huấn để nâng cao kiến thức về nông nghiệp cho người dân; áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong quá trình sản xuất.

- Thu hút nguồn lao động:

Có chính sách thu hút nguồn lao động, nhất là nguồn lao động tại chỗ và nguồn lao động đã qua đào tạo; Chú trọng gắn kết ba khâu: đào tạo, sử dụng, đãi ngộ. Tùy theo trình độ, khả năng của từng người mà tỉnh phân công, bố trí công việc cho đúng người, đúng việc. Chính sách đãi ngộ phải thực sự hấp dẫn, các chế độ đãi ngộ về vật chất phải đảm bảo được cuộc sống của bản thân và gia đình người lao động và có sức cạnh tranh với các địa phương khác.



Theo em, có mấy nhóm giải pháp phát triển nguồn lao động ở Đắk Nông và đó là những nhóm giải pháp nào? Em hãy kể tên các việc làm cụ thể mà địa phương em đang triển khai nhằm góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.



Hình 1.2. Dạy học tại Trường
THCS Năm Nung, Krông Nô, Đắk Nông



Hình 1.3. Nghề đan lát của dân tộc M'Nông



Hình 1.4. Tập huấn chăm sóc cây cà phê cho
người dân



Hình 1.5. Hệ thống tưới tự động ở Đắk Nông

(Nguồn: Báo Đắk Nông)

Em hãy cho biết các hình trên tương ứng với các giải pháp nào trong việc phát triển nguồn lao động?

 Vận dụng

Theo em, đâu là giải pháp cấp thiết nhất ở địa phương em nhằm phát triển nguồn lao động? Bản thân em cần làm gì để góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh Đắk Nông?

Bài 3. CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH ĐẮK NÔNG VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ ĐẶC TRƯNG

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được thành phần dân tộc sinh sống ở tỉnh Đắk Nông.
- Giới thiệu được nét văn hoá đặc trưng của các dân tộc M'Nông, Mạ, Ê Đê ở tỉnh Đắk Nông.



Khởi động



Hình 1.6.



Hình 1.7.



Hình 1.8.



Quan sát các hình trên và cho biết đâu là dân tộc tại chỗ ở tỉnh Đắk Nông?
Hãy chia sẻ những điều em biết về dân tộc đó?



Khám phá

1. Các dân tộc ở tỉnh Đắk Nông

Đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi

Theo Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông, tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2019, toàn tỉnh Đắk Nông có 40 thành phần dân tộc cùng chung sống (không tính người nước ngoài), gắn bó với nhau trong quá trình xây dựng và phát triển.

Trong cộng đồng các dân tộc ở tỉnh Đắk Nông, dân tộc Việt (Kinh) có số dân đông nhất với 419.808 người, chiếm 67,47% dân số toàn tỉnh, đây là lực lượng lao động đông đảo trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Dân tộc ít người chiếm 32,53% dân số toàn tỉnh. (Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông, 2020).

Địa bàn sinh sống của người dân tộc thiểu số rất đa dạng và phân bố ở 8 huyện, thành phố. Huyện có tỉ lệ người dân tộc ít người cao nhất là huyện Đắk Glong với 40.731 người, chiếm 60,1% dân số toàn huyện, tiếp đến là huyện Cư Jút có 45.164 người, chiếm 49,3%. (Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông, 2020).

Đắk Nông là nơi hội tụ của 40 thành phần dân tộc cùng chung sống với những giá trị văn hoá nổi bật rất độc đáo, đa dạng như: ngôn ngữ, chữ viết, kiến trúc nhà cửa, ẩm thực, trang phục, văn học, hội họa, âm nhạc,... góp phần làm cho kho tàng văn hoá của tỉnh Đắk Nông thêm phong phú và giàu bản sắc dân tộc.



Em hãy cho biết ở tỉnh Đắk Nông có bao nhiêu dân tộc cùng chung sống?
Kể tên một số dân tộc mà em biết?

2. Một số nét văn hoá đặc trưng của các dân tộc M'Nông, Mạ, Ê Đê

2.1. Ngôn ngữ, chữ viết

Bảng 1.4. Phân bố một số nhóm ngôn ngữ, chữ viết của cộng đồng dân tộc M'Nông, Mạ, Ê Đê ở tỉnh Đắk Nông

Đặc điểm Dân tộc	Nhóm ngôn ngữ, chữ viết	Số dân (năm 2019)	Phân bố
M'Nông (Bunong)	Nhóm ngôn ngữ Môn- Khmer (ngữ hệ Nam Á), gồm có nhiều nhóm phương ngữ địa phương như M'Nông Preh, M'Nông Noong, M'Nông Prâng, M'Nông Bhiet, M'Nông Rlâm,... chữ viết theo bảng chữ cái La tinh.	50.718 người	Đều khắp ở các huyện và thành phố
Mạ	Nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer (ngữ hệ Nam Á), có nhiều tên gọi khác như Châu Mạ, Chò Mạ, Chê Mạ, nhóm địa phương gồm có Mạ Ngăn, Mạ Xốp, Mạ Tô, Mạ Krung,... chữ viết theo bảng chữ cái La tinh.	8.087 người	Đắk Glong và một số ít ở thành phố Gia Nghĩa
Ê Đê	Nhóm ngôn ngữ Mã Lai - Đa Đảo (ngữ hệ Nam Đảo), gồm có nhiều nhóm phương ngữ địa phương như Ê Đê Kpă, Ê Đê Krung, Ê Đê Ktul,... chữ viết theo bảng chữ cái La tinh.	6.726 người	Krông Nô, Cư Jút, Gia Nghĩa



Ở địa phương em có cộng đồng dân tộc nào sinh sống? Hãy kể tên nhóm ngôn ngữ của những dân tộc đó?

2.2. Trang phục

Trang phục truyền thống của người đàn ông M'Nông ngày xưa là đóng khố (troi), mặc áo tay ngắn (áo kroh). Phụ nữ thì mặc váy quần buông dài trên mắt cá chân có màu chàm thẫm được trang trí bằng các hoa văn truyền thống, thường là màu xanh, đỏ, đen rất đẹp mắt, đồ trang sức gồm vòng chân, vòng tay, vòng cổ, nhẫn bằng đồng hoặc bằng bạc.

Trang phục truyền thống của người Mạ là đàn ông đóng khố, loại khố trang trọng có đính hạt cườm và tua dài, mặc áo chui đầu xẻ tà tay ngắn. Phụ nữ thì mặc váy quần, áo chui đầu, sát thân, không xẻ tà, tổng thể áo chỉ là hình chữ nhật được trang trí bằng các hoa văn truyền thống, thường là màu trắng, đen, đỏ. Nam nữ có tuổi đều đeo hoa tai cỡ lớn bằng đồng, ngà voi, gỗ, cỏ đeo hạt cườm.

Trang phục truyền thống của người Ê Đê thường là màu đen, đỏ, với hoa văn sắc sỡ. Nữ giới sẽ mặc áo dài tay hoặc ngắn tay và quần váy (ieng), còn nam giới thì mặc áo dài tay, đóng khố (kpin). Ngoài ra, họ còn yêu thích những đồ trang sức bằng bạc, đồng hoặc hạt cườm.



Em hãy nêu sự khác biệt về màu sắc của trang phục các dân tộc M'Nông, Mạ, Ê Đê ở tỉnh Đắk Nông.

2.3. Kiến trúc nhà truyền thống

Ngôi nhà trệt truyền thống của người M'Nông dài tối thiểu 30 m, có khi dài đến 100 m, nên thường được gọi là nhà dài. Mỗi khi trong gia đình có thêm người cưới vợ gả chồng, tách thành hộ riêng, ngôi nhà sẽ được nối dài ra để cùng chung sống. Nhà dài có thể là nơi sinh sống của 3 - 7 hộ.

Nhà của người Mạ là nhà sàn. Bộ khung nhà với bốn cột, kết cấu đơn giản, hai mái chính cũng hơi khum nên mặt cắt của nóc có hình uốn vòm. Mái nhà rất thấp nên phần mái bên trên cửa, người ta phải làm vòng lên để ra vào khỏi đụng đầu.

Nhà sàn là ngôi nhà truyền thống của dân tộc Ê Đê xưa, được làm bằng tre, nứa hoặc bằng gỗ, mặt sàn và vách tường bao quanh nhà làm bằng thân cây bương hay thân cây tre già đập dập, mái lợp cỏ tranh. Điều đặc biệt của ngôi nhà là luôn có hai cầu thang, cầu thang được dành cho các thành viên nam, cầu thang cái dành cho nữ giới. Ngôi nhà dài không chỉ là biểu tượng vật chất của thể chế gia đình mẫu hệ, mà còn là nơi lưu giữ những giá trị văn hoá tinh thần của người Ê Đê.



Em hãy nối hình ảnh ngôi nhà với dân tộc tương ứng.

1. Dân tộc Ê Đê

2. Dân tộc M'Nông

3. Dân tộc Mạ



a



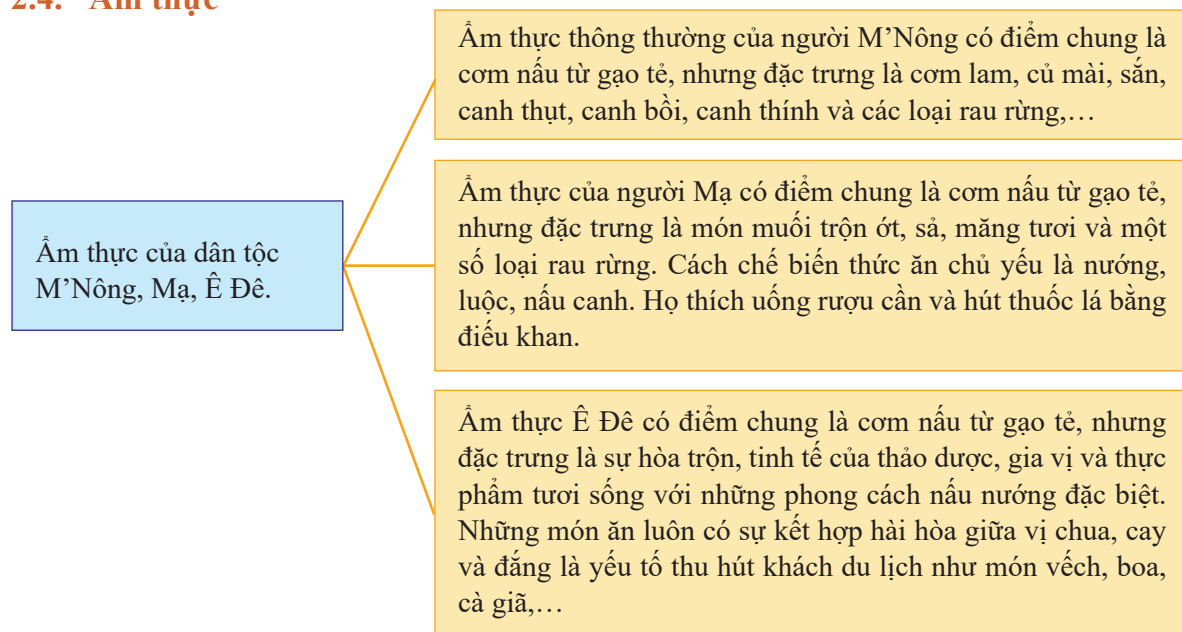
b



c

(Nguồn: a. <https://vanhoanvietnam.blogspot.com>; b. <https://www.google.com.vn>; c. <https://dangcongsan.vn>)

2.4. Ẩm thực



Em hãy nêu đặc điểm chung về ẩm thực của các dân tộc M'Nông, Mạ, Ê Đê ở tỉnh Đắk Nông.



Luyện tập

1) Em hãy cho biết dân tộc nào có số dân và lực lượng lao động đông đảo nhất ở tỉnh Đắk Nông?

2) Em hãy nối mục A tương ứng với mục B trong bảng sau:

Tên dân tộc	Đặc trưng trang phục
1. M'Nông	a. Đen, đỏ, hoa văn sặc sỡ
2. Mạ	b. Xanh, đỏ, đen
3. Ê Đê	c. Trắng, đen, đỏ



Vận dụng

Em hãy sưu tầm hình ảnh, câu chuyện, bài viết về những nét đặc trưng văn hoá của một dân tộc ở Đắk Nông và giới thiệu với các bạn trong lớp theo hình thức báo tường/báo ảnh.

Bài 4. TÌM HIỂU SỰ PHÂN BỐ VÀ GIÁ TRỊ DI SẢN ĐỊA CHẤT CỦA CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU UNESCO ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được sự phân bố của một số di sản địa chất nổi bật trong Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.
- Trình bày được vai trò của giá trị di sản địa chất đối với hoạt động kinh tế của địa phương.



Khởi động

Em hãy kể tên một số di sản địa chất của Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông và cho biết ở địa phương em có những di sản địa chất nào.



Khám phá

1. Sự phân bố của một số di sản địa chất nổi bật trong Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông

1.1. Di sản cổ sinh

Đọc thông tin, quan sát các hình 1.9, 1.10 và trả lời câu hỏi

Trong khu vực Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông nhiều loại hoá thạch được tìm thấy, trong đó nổi bật nhất là hoá thạch cúc đá (ammonite) với đường kính từ 30 - 40 cm có tuổi địa chất cách ngày nay khoảng 199 triệu năm. Chúng được tìm thấy ở nhiều nơi, nhưng tập trung nhiều nhất vẫn là khu vực Ea Pô (huyện Cư Jút).



Hình 1.9. Hoá thạch Ammonite trong khu vực Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông

(Ảnh: Ban quản lý (BQL) Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông)



Hình 1.10. Hình ảnh thực tế của ốc anh vũ trong các vùng biển cổ (Ảnh: Internet)



Việc phát hiện ra hoá thạch Ammonite trong khu vực Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông phản ánh điều gì?

1.2. Di sản địa mạo

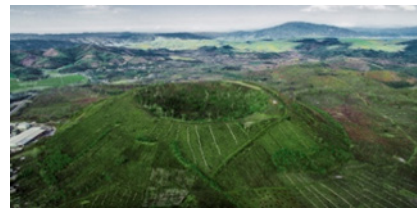
Đọc thông tin, quan sát các hình từ 1.11 đến 1.15 và trả lời câu hỏi

Các nhà khoa học đã đánh giá và sơ bộ thống kê được 65 điểm di sản địa mạo trong Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông. Một số di sản địa mạo tiêu biểu có thể kể đến như các miệng núi lửa, hệ thống hang động núi lửa, các thác nước tuyệt đẹp, những bề mặt san bằng, các cảnh quan hồ nước và các di sản cảnh quan cấu trúc, kiến tạo...

Núi lửa Nam Blang nằm ở xã Buôn Choánh, huyện Krông Nô chính là núi lửa tạo ra hệ thống hang động dài nhất Đông Nam Á và có hình dáng đẹp bậc nhất của công viên địa chất. Núi lửa trẻ Nam Kar nằm ở xã Quảng Phú, huyện Krông Nô có hình dáng cân đối cùng hai miệng núi lửa phụ, với hình dạng còn được bảo tồn khá nguyên vẹn. Núi lửa Nam Kar được xem là rất trẻ với niên đại dưới 10.000 năm tuổi.



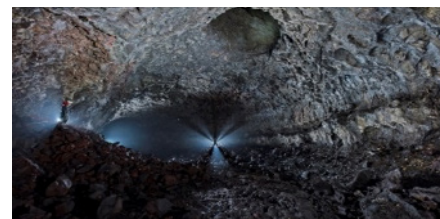
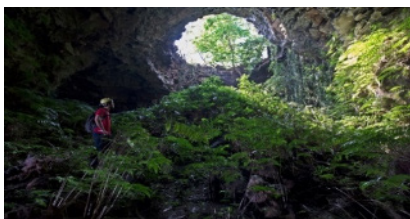
Hình 1.11. Núi lửa Nam Blang



Hình 1.12. Núi lửa Nam Kar

(Ảnh: BQL Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông)

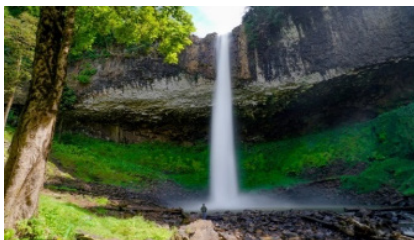
Trong số 05 miệng núi lửa ở Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông thì đến nay mới tìm thấy hang động ở xung quanh núi lửa Nam Blang (người Ê Đê gọi là núi lửa Chư R'luh). Đến nay, các nhà khoa học và tỉnh Đắk Nông đã điều tra, khảo sát 50 hang động với tổng chiều dài hơn 10 000 m, trong đó có 08 hang nằm trong top 10 hang động núi lửa dài nhất Đông Nam Á và Trung Quốc, với hang dài nhất là 1.067 m (Hang C7). Hệ thống hang động này đã được các nhà khoa học phát hiện từ năm 2007, trong đó, nhiều hang động có dấu tích cư trú của người tiền sử từ 6.000 - 10.000 năm trước.



Hình 1.13. Hang C7 (Hang động dài nhất Đông Nam Á)

(Ảnh: BQL Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông)

Trong Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông có rất nhiều thác nước liên quan đến những hoạt động địa chất, kiến tạo và phân dị địa hình đã hình thành nên những cảnh quan vô cùng độc đáo. Một số thác nước tiêu biểu như: thác D'ray Sáp, thác Băng Rup, thác đá basalt cột Liêng Nung,...



Hình 1.14. Thác Liêng Nung
(xã Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa)



Hình 1.15. Thác D'ray Sap
(xã Đăk Sôr; huyện Krông Nô)

(Ảnh: BQL Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông)



Em hãy cho biết, các di sản trong các hình trên phân bố ở địa phương nào trong tỉnh Đăk Nông?

1.3. Di sản cổ môi trường và di sản kiểu đá, di sản kiểu khoáng vật

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi

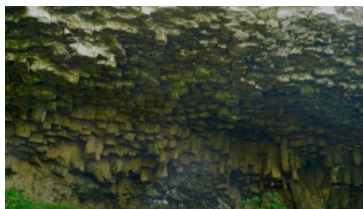
+ Diêm pyrit (FeS_2) trầm tích trong khu vực Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông được tạo thành bởi môi trường giàu sắt và lưu huỳnh. Các tinh thể pyrit có thành phần thạch học là sét bột kết khá rắn chắc, màu xám - xám đen, phân bố khá đều theo mặt lớp của trầm tích sét bột kết và phân bố ở nhiều nơi trong Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông, tiêu biểu là ở khu vực Krông Nô và Cư Jút.

+ Đá basalt dạng cột được tạo thành khi núi lửa phun trào, các dòng dung nham nóng chảy ($1.100^\circ\text{C} - 1.200^\circ\text{C}$) chảy tràn trên bề mặt địa hình cổ và được tích tụ tại những nơi có địa hình thấp. Chúng được phát hiện tại nhiều nơi nhưng tiêu biểu là quanh khu vực thác Trinh Nữ (Cư Jút).

+ Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông đa dạng về khoáng sản, với các loại hình khoáng sản quý hiếm. Tiêu biểu như opat, sapphire, antimon, wolfram, đặc biệt hơn nữa là khoáng sản bauxit với trữ lượng lớn tầm cỡ thế giới và trải khắp trên diện tích Công viên.



Hình 1.16. Đá Pyrit (FeS_2)



Hình 1.17. Đá basalt cột



Hình 1.18. Sản phẩm nhôm
(aluminate) sau khi qua
chế biến, đóng gói xuất khẩu

(Ảnh: BQL Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông)



Em hãy quan sát các hình trên (từ hình 1.16 đến hình 1.18) và cho biết đâu là di sản môi trường, di sản kiểu đá, di sản kiểu khoáng vật?

2. Vai trò của giá trị di sản địa chất

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi

Công viên Địa chất toàn cầu là một trong những danh hiệu di sản cao quý và có ý nghĩa của UNESCO. Danh hiệu này vinh danh những giá trị về khoa học địa chất, địa mạo theo những tiêu chí khắt khe, qua đó đóng góp cho nghiên cứu khoa học về những biến đổi của vỏ Trái đất, của hệ sinh thái, khí hậu,...

Bên cạnh đó, danh hiệu này còn vinh danh vẻ đẹp của danh lam thắng cảnh, kì quan thiên nhiên và đa dạng về sinh học của địa phương. Mặt khác, đây còn là mô hình phát triển kinh tế - xã hội bền vững mà nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là các nước đang phát triển hiện nay đang theo đuổi.

Thông qua việc tham gia mạng lưới Công viên Địa chất toàn cầu, các quốc gia có cơ hội để bảo tồn và phát huy giá trị của di sản địa chất; đồng thời thúc đẩy các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

Việc được UNESCO công nhận danh hiệu Công viên Địa chất toàn cầu mang lại nhiều ý nghĩa trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông nói riêng và Việt Nam nói chung. Đây là niềm vinh dự, tự hào của chính quyền, người dân tỉnh Đắk Nông nói riêng và Việt Nam nói chung.

Việc được công nhận là Công viên Địa chất toàn cầu góp phần giúp Đắk Nông có thêm điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

(Nguồn: <https://bitly.com.vn/mf1bc7>)



Em hãy trình bày những vai trò quan trọng của giá trị di sản địa chất trong Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.



Luyện tập

Em hãy cho biết các loại hình du lịch tương ứng với những hình ảnh dưới đây? Cho biết hình ảnh nào gắn với hoạt động khám phá giá trị di sản địa chất?



Hình 1.19.



Hình 1.20.



Hình 1.21.

(Ảnh: Sưu tầm từ Internet)



Vận dụng

Hãy sưu tầm các hình ảnh liên quan đến di sản địa chất tại địa phương nơi em đang sinh sống. Nêu hiểu biết của em về một trong những hình ảnh đó.



ĐẮK NÔNG TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XVIII

Bài 1. QUÁ TRÌNH XÁC LẬP CHỦ QUYỀN Ở VÙNG ĐẤT ĐẮK NÔNG TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XVIII

Yêu cầu cần đạt

- Mô tả được sự hình thành và phát triển của Đắk Nông từ thế kỉ thứ X đến thế kỉ XV.
- Trình bày được ý nghĩa của việc xác lập chủ quyền của vùng đất Đắk Nông từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII.
- Vận dụng được kiến thức lịch sử để phân tích và đánh giá về tầm quan trọng của việc xác lập và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ ở Đắk Nông hiện nay.



Khởi động

Em hãy đọc thông tin trong bảng “Em có biết” và nêu những hiểu biết của mình về lịch sử hình thành tỉnh Đắk Nông.

EM CÓ BIẾT?

Đắk Nông là vùng đất cổ, cách đây hàng trăm năm đã có các tộc người sống định cư bằng kinh tế nông nghiệp. Họ cư trú trên những gò cao, thềm sông suối, ven hồ nước, vùng đất đỏ bazan. Bằng những chiếc rìu, bôn đá tự chế tác, con người ở đây có thể chặt cây, xới đất, làm nghề nông. Họ đã tạo ra cho mình những đồ trang sức bằng đá, làm ra đồ gốm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, phục vụ sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng và đáp ứng các nhu cầu xã hội khác. (Nguồn: Địa chí Đắk Nông, NXB Từ điển Bách khoa, 2011, tr.22).



Khám phá

1. Khái quát về vùng đất Đắk Nông từ thế kỉ X đến thế kỉ XV

Vùng đất Đắk Nông từ xa xưa vốn là vùng đất tự trị, là địa bàn sinh sống của các dân tộc thiểu số tại chỗ. Trước thế kỉ XI, vùng đất này thường là đối tượng tranh chấp của hai nước Champa và Chân Lạp, tuy không bị nước nào chiếm đóng, nhưng bị thiệt hại nhiều vì chiến tranh. Dân chúng trong vùng rất khổ cực vì thường bị cướp bóc lương thực của cải và bị bắt làm phu khuân vác.

Có thể nhận ra chính sách của Bùi Tá Hán đối với các dân tộc ở Tây Nguyên bấy giờ chỉ giới hạn trong phạm vi thuế khoá và thương mại, việc phân chia địa giới hành chính với một vài chức quan cũng chỉ hướng đến mục tiêu này. Trên thực tế, triều đình Đại Việt không can thiệp vào cơ cấu xã hội của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên và những bộ lạc nơi đây vẫn sống với văn hoá, tín ngưỡng, phong tục và kết cấu xã hội ngàn đời của mình. Bùi Tá Hán đã thực thi một chính sách cai trị (...) tạo ra một giai đoạn yên ả hiếm hoi cho vùng đất này

(Nguồn: <https://bom.so/eHsywz>)

Đến giữa thế kỉ XII, vùng Cao Nguyên (bao gồm cả Đắk Nông) bị vua Champa là Harivarman I chiếm đóng và cai trị, người dân vùng này phải thần phục và triều cống cho Champa từ đó.

Năm 1471, vua Lê Thánh Tông phản kích cuộc tấn công của vua Champa là Trà Toàn, quân Đại Việt giành thắng lợi trước Champa, đồng thời giải phóng vùng đất Tây Nguyên (gồm cả Đắk Nông) khỏi sự thống trị của Champa. Tiếp đó, triều đình nhà Lê thực hiện cải tổ hành chính và đặt quan lại tại những vùng đất này.



Em hãy nêu những nét chính về lịch sử phát triển của vùng đất Đắk Nông trong giai đoạn từ thế kỉ X đến thế kỉ XV.

2. Vùng đất Đắk Nông trong các thế kỉ XVI - XVIII

Năm 1540, dưới triều vua Lê Trang Tông (trị vì từ 1533 đến 1548), Bùi Tá Hán (? - 1568) được cử vào trấn thủ thành Quảng Nam, cai quản toàn bộ vùng đất Tây Nguyên (gồm cả Đắk Nông). Từ đó, ông từng bước mở rộng tầm ảnh hưởng của triều đình lên những vùng đất Tây Nguyên tiếp giáp với các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Những chính sách về hành chính và thuế vụ mà Bùi Tá Hán áp dụng cho Tây Nguyên đã đặt nền móng quan trọng cho việc xác lập chủ quyền đối với vùng đất này về sau. Người dân các bộ tộc ở Đắk Nông thời bấy giờ rất tôn kính đối với Bùi Tá Hán và giữ mối quan hệ hòa thuận với Đại Việt.

Năm 1558, Nguyễn Hoàng mở cuộc Nam tiến, làm Tổng trấn xứ Thuận Hoá, bắt đầu xây dựng chính quyền Đàng Trong. Thời gian đầu, chính quyền Đàng Trong chưa quan tâm nhiều đến vùng đất Tây Nguyên. Nhìn chung, họ vẫn tiếp tục thực hiện các chính sách của Bùi Tá Hán trước đây, thiết lập định ước chư hầu với các dân tộc thiểu số tại chỗ, trưng thu thuế khoá, cống vật. Năm 1570, tổng trấn Thuận Hoá Nguyễn Hoàng trở thành tổng trấn Quảng Nam và toàn bộ vùng Tây Nguyên nằm dưới sự quản lí của Chúa Đàng Trong; xứ sở này bước vào thời kì hoàn toàn yên tĩnh kéo dài khoảng 200 năm.

(Nguồn: Henri Maitre (Luu Đình Tuấn dịch). 2008. *Rừng người Thượng*. NXB Tri Thức, tr.199).

Sang thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765), tình hình vùng Tây Nguyên có hai thái cực: vùng phía Tây Tây Nguyên tương đối ổn định, giữ mối quan hệ cống nạp cho chính quyền Đàng Trong. Còn vùng phía Đông Tây Nguyên khá loạn lạc do dân cư đói kém, thường kéo xuống đồng bằng vùng Quảng Ngãi cướp phá, sử cũ gọi là loạn Đá Vách. Mùa xuân năm 1760, Võ Vương bổ nhiệm ông Nguyễn Cư Trinh làm Tuần phủ Quảng Ngãi, cai quản Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Năm 1770, chính quyền lại cử Khâm sai Trần Ngọc Chu tiếp tục quản lý vùng đất quan trọng này.

Năm 1771, ở làng Tây Sơn trên Cao Nguyên An Khê thuộc Bình Định có Nguyễn Nhạc cùng với hai em là Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ dựng cờ khởi nghĩa, lấy vùng An Khê làm căn cứ địa. Trong giai đoạn tiến công lật đổ chính quyền chúa Nguyễn cũng như chúa Trịnh, nghĩa quân Tây Sơn đã nhận được sự ủng hộ to lớn của các dân tộc Tây Nguyên. Về sau, dù triều Tây Sơn bị sụp đổ trước thế lực của Nguyễn Ánh nhưng mối giao hảo giữa đồng bào Tây Nguyên với lực lượng nghĩa quân Tây Sơn vẫn rất tốt đẹp.

Sau khi Gia Long thiết lập vương triều Nguyễn năm 1802, vùng Tây Nguyên nói chung và Đắk Nông nói riêng nhận được sự quan tâm nhiều hơn của triều đình Huế. Vua Gia Long cho lập Trấn Man và cử quan lại cai quản, nổi bật là Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Khắc Tuân với nhiều chính sách quản lý khá hiệu quả. Từ đây, vùng Tây Nguyên trở thành một bộ phận quan trọng của lãnh thổ nước Việt Nam¹ dưới thời vua Gia Long.



Em hãy nêu những nét chính về vùng đất Đắk Nông trong giai đoạn từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVIII.

3. Ý nghĩa việc xác lập chủ quyền của vùng đất Đắk Nông

Thứ nhất, việc xác lập chủ quyền của vùng đất Đắk Nông dưới thời hậu Lê và thời kì chúa Nguyễn sau đó là vương triều Nguyễn đã phân định ranh giới lãnh thổ rõ ràng giữa vùng đất Tây Nguyên với đế chế Khmer, vương quốc Champa và các vương quốc trên lãnh thổ Lào lúc bấy giờ.

Thứ hai, việc xác lập chủ quyền của vùng đất Đắk Nông đã góp phần tăng cường tính đặc trưng đa dân tộc - đa văn hoá của vùng. Kèm theo đó là sự tiếp xúc giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số tại chỗ ngày càng trở nên sâu sắc hơn, dần dần tạo nên một cộng đồng cư dân ổn định, có chung mục đích xây dựng và bảo vệ vùng đất này.

Thứ ba, việc xác lập chủ quyền của vùng Đắk Nông tạo cơ sở pháp lí để khẳng định chủ quyền lãnh thổ của nước Việt Nam đối với vùng Tây Nguyên trong quan hệ với các quốc gia láng giềng trong các giai đoạn sau thế kỉ XVIII.

¹ Tháng 2 năm 1804 (Giáp Tý), vua Gia Long cho đặt quốc hiệu nước ta là Việt Nam thay cho quốc hiệu Đại Việt.



Việc xác lập chủ quyền của chính quyền Đại Việt đối với vùng đất Đắc Nông trong giai đoạn từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVIII có ý nghĩa gì?



Luyện tập

1) Dựa vào các ngữ liệu trong bài, hãy lập bảng niên biên thống kê các sự kiện lịch sử quan trọng về chủ quyền của vùng Tây Nguyên nói chung và Đắc Nông nói riêng.

2) Hãy lí giải vì sao các chúa Nguyễn trong buổi đầu xây dựng chính quyền ở Đàng Trong lại không dành nhiều sự quan tâm đến vùng Tây Nguyên cũng như Đắc Nông?



Vận dụng

Viết một đoạn văn ngắn (10-15 dòng) trình bày cảm nhận của em về quá trình xác lập chủ quyền của người Việt trên vùng đất Tây Nguyên và Đắc Nông dưới thời các chúa Nguyễn.

Bài 2. TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HOÁ Ở ĐẮK NÔNG TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XVIII

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số nét cơ bản về đời sống chính trị, kinh tế tại Đăk Nông từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII.
- Trình bày được những đặc trưng cơ bản về đời sống văn hoá tại Đăk Nông từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII.
- Trân trọng và đề xuất được các biện pháp để bảo tồn, phát huy những thành tựu trong công cuộc xây dựng và phát triển quê hương của người dân tỉnh Đăk Nông.



Khởi động

Em hãy kể tên một số ngành kinh tế chủ yếu của tỉnh Đăk Nông trong giai đoạn hiện nay. Theo em, đâu là ngành kinh tế quan trọng nhất của tỉnh?



Khám phá

1. Chính trị

Từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII, vùng đất Tây Nguyên (bao gồm tỉnh Đăk Nông ngày nay), trên thực tế chưa có hệ thống chính trị, chưa đặt quan chức, chưa có quân đội; lãnh thổ của các tộc người vẫn được vận hành theo luật tục² của buôn, làng độc lập mà chưa có hình luật³.

Trong suốt các thế kỉ XII-XV, tùy vào nhu cầu thực tiễn của họ mà những bộ lạc ấy có lúc theo thuần phục nước Đại Việt, có lúc không chịu thuần phục.

Đến thời chúa Nguyễn, các bộ lạc đã triều cống chúa Nguyễn từ khi họ Nguyễn mới lập nghiệp ở miền Thuận Quảng. Về sau các chúa Nguyễn vẫn buộc họ phải triều cống và mỗi lần triều cống chúa Nguyễn lại thưởng cấp rất hậu để mong giữ các bộ lạc làm phen giầu⁴ cho mình trước sức mạnh của nước Cao Miên (Campuchia) từ phía Tây.



Em hãy cho biết, chính quyền các chúa Nguyễn đã đưa ra chính sách gì đối với các bộ lạc ở Tây Nguyên?

² Luật tục là tập tục, phong tục tập quán của một cộng đồng, được hình thành tự phát và được các thành viên trong cộng đồng chấp nhận, tuân theo trong quan hệ với nhau.

³ Luật Hình sự.

⁴ Nơi chia cách; Nơi biên giới: *Phen giầu của đất nước*.

2. Kinh tế

2.1. Nông nghiệp

Đắk Nông là vùng đất có những điều kiện thuận lợi cho con người cư trú và phát triển từ rất sớm. Trong những thế kỉ đầu Công nguyên và các giai đoạn tương ứng với thời kì phong kiến Đại Việt, những hoạt động kinh tế của cư dân Đắk Nông đã có sự tiến bộ nhất định. Sự tiến bộ về các hoạt động kinh tế ở Đắk Nông thể hiện rõ nhất qua những ví dụ về người M'Nông tại đây.

Trước đây, người M'Nông sống chủ yếu nhờ vào săn bắt chim, thú và hái lượm rau củ có sẵn trong tự nhiên. Cuộc sống gắn bó gần gũi với thiên nhiên hình thành cho đồng bào nhiều kinh nghiệm và kĩ năng săn bắt.

Người M'Nông vốn có tập quán canh tác nương rẫy lâu đời. Mỗi năm đồng bào đều chọn các khu rừng già đất tốt để phát rẫy mới trồng lúa và hoa màu. Cách trồng chủ yếu là dùng gậy chọc lỗ tra hạt. Nông cụ lao động gồm dao dùng để phát rẫy, rìu để đốn cây, cuốc để xới đất, ống nứa đựng hạt giống, giỏ, gùi đựng thóc,... Đến mùa thu hoạch cư dân chủ yếu dùng tay và lúa được tuốt ngay tại rẫy.

Cây lương thực chính của đồng bào là lúa tẻ, trồng đan xen trên rẫy là ngô, khoai, sắn, rau cà, bầu bí,... Những cư dân sinh sống quanh thung lũng, sông suối thường trồng lúa nước. Người dân dùng trâu không phải để cày mà để giẫm nát những khoảnh ruộng nước trước khi trồng cây vụ tiếp theo. Ngày nay, đồng bào cư dân Đắk Nông còn làm rẫy chuyên canh cây cà phê, tiêu, điều, ca cao, cao su,...

Nghề chăn nuôi gia súc của người M'Nông khá phát triển. Mỗi buôn làng đều có đồng cỏ để chăn thả trâu bò, dê. Các vật nuôi được dùng để trao đổi hàng hoá như chiêng, ché, đồ trang sức hoặc để hiến tế thần linh trong các lễ hội. Sừng trâu được dùng làm đồ trang sức, đựng rượu, đựng nước uống hoặc làm tù và,...



Hình 2.1. Người M'Nông từ nương rẫy trở về nhà (Nguồn: Bảo tàng Đắk Lắk)

2.2. Thủ công nghiệp và thương nghiệp

Cùng với sự phát triển về nông nghiệp, các nghề thủ công cũng được duy trì như nghề gốm, đan lát tre - mây, dệt sợi, nhuộm hoa văn trên vải tạo nên những trang phục độc đáo và bắt mắt, đặc biệt là nghề thổ cẩm của cư dân Đắk Nông đã đạt đến trình độ tinh xảo.

Ví dụ, nghề thủ công truyền thống lâu đời của người M'Nông là dệt vải thổ cẩm. Người phụ nữ dân tộc M'Nông tranh thủ mọi lúc, mọi nơi để kéo chỉ, dệt vải làm ra áo, khố, chăn cho gia đình.

Nếu người phụ nữ M'Nông chuyên dệt vải thì đàn ông M'Nông lại giỏi đan lát với các sản phẩm như gùi, nong, nia, giỏ,... Bên cạnh đó, đàn ông M'Nông còn giỏi đèo thuyền độc mộc phục vụ việc đi lại, chuyên chở, đánh bắt cá trên sông.

Quả bầu khô là vật dụng đặc dụng của đồng bào M'Nông, nó có thể được sử dụng để đi lấy nước, dùng làm bát ăn cơm, đựng gạo, làm nhạc cụ,...



Hình 2.2. Gùi đựng thóc của người Ê Đê, M'Nông (Nguồn: Bảo tàng Đắk Lắk)

Nghề thủ công chưa tách khỏi nông nghiệp, việc trao đổi hàng hoá giữa các cư dân đã có phần phát triển nhưng còn chưa chuyên nghiệp, chủ yếu diễn ra theo phương thức vật đổi vật hoặc dùng các loại đồ vật phổ biến và có giá trị cao lúc đó như ché, trâu... làm vật ngang giá.

Ngoài hình thức trao đổi giữa các làng, sau mùa thu hoạch, cư dân Đắk Nông thường tổ chức những thương đoàn đem sản phẩm địa phương xuống các tỉnh đồng bằng hay sang nước láng giềng Campuchia theo những con đường nhất định, chuyên chở bằng voi hoặc thò bằng gùi để bán. Hình thức trao đổi tuy đa dạng nhưng số lượng hàng hoá còn ít, phạm vi chỉ đóng khung trong một số khu vực nhất định.



Theo em, trong ba ngành nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp, đâu là ngành kinh tế chủ đạo của người dân Đắk Nông giai đoạn từ thế kỉ X đến XVIII?

3. Xã hội

Đơn vị xã hội cơ bản của cư dân Đắk Nông là “đơn vị xã hội cổ truyền”. Các dân tộc trên địa bàn được chia thành nhiều đơn vị cơ sở như người M'Nông, Mạ gọi là bon, người Ê Đê gọi là buôn, người Kinh gọi là thôn, khối,... Những gia đình có nhiều thế hệ vẫn được gọi là “gia đình lớn”, “đại gia đình”... và đây chính là tế bào của các đơn vị xã hội.

Trong quan hệ gia đình ở các dân tộc thiểu số Đắk Nông vẫn tồn tại chế độ thị tộc mẫu hệ, người phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong gia đình và xã hội, có quyền quyết định mọi việc.

Mỗi buôn (bon), làng của của đồng bào dân tộc thiểu số có khoảng 60 nóc nhà, có đầy đủ khu vực sản xuất và sinh hoạt riêng. Đứng đầu các bon là trưởng bon, già làng hoặc trưởng bản, có nhiệm vụ điều hành các công việc chung.

Các nhà dài của người M'Nông là nơi mà đại gia đình mẫu hệ cùng chung sống, các gia đình trong bon có mối quan hệ gần gũi, gắn bó khăng khít với nhau.



Hình 2.3. Nhà Dài – nhà ở truyền thống của người M'Nông (Ảnh: Tổng cục Du lịch)

Những phong tục tập quán, nét đẹp truyền thống của đồng bào nơi đây được lưu giữ và truyền từ đời này sang đời khác.



Em hãy nêu các tên gọi về tổ chức đơn vị cơ sở trong đời sống xã hội của người dân Đắk Nông.

4. Văn hoá và tín ngưỡng, tôn giáo

4.1. Văn hoá

Cư dân Đắk Nông có đời sống tinh thần khá phong phú về mọi mặt như nghệ thuật, kiến trúc nhà ở, trang trí nhà cửa, đồ gốm, nhà mồ, âm nhạc,... Các phong tục tập quán của cư dân Đắk Nông vẫn còn mang dấu ấn của thời nguyên thủy, trong đó có những tập quán tốt như việc tương trợ nhau trong sản xuất, sinh hoạt. Tất cả những sinh hoạt hội hè, đình đám, ma chay, cưới xin, dựng nhà, dờn nhà,... đều được cả làng góp công, góp của, cùng nhau chia sẻ niềm vui, nỗi buồn.

Cư dân còn lưu giữ một kho tàng luật tục đồ sộ, nội dung đề cập đến các mối quan hệ xã hội. Trong đó, xã hội của cư dân M'Nông là một điển hình, xã hội của họ vận hành theo các luật tục từ đời này sang đời khác và các tập tục lạc hậu vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Người M'Nông thích mang nhiều đồ trang sức như: vòng cổ, vòng tay, vòng chân, hoa tai, nhẫn bằng đồng hay bằng bạc... Riêng nữ giới còn thích quấn lên cổ những chuỗi hạt cườm ngũ sắc. Những chiếc vòng đồng là cái mà hầu như người M'Nông nào cũng có. Đó là kỉ vật của các lễ hiến sinh, hay lễ kết nghĩa anh em, bạn bè. Nó còn tượng trưng cho sự giao ước với thần linh thay lời hứa hôn của đôi trai gái theo tập quán cổ truyền của dân tộc.



Hình 2.4. Trang sức của người M'Nông
(Nguồn: Bảo tàng Đắk Lắk)

Người M'Nông có tập quán cưa bằng một số răng cửa đối với thanh niên nam, nữ đang trưởng thành và xâu thủng lỗ tai để mang đồ trang sức. Hoa tai thường là một khúc ngà voi, hay một khúc tre vàng óng hay một thỏi gỗ quý. Dải tai của một số lão ông, lão bà có khi xệ xuống chạm vai và như thế được coi là đẹp, là người sang trọng. Cùng với tập tục cưa răng, cắn tai là tập quán nhuộm răng đen và ăn trầu giống như người Kinh...

Đồng bào M'Nông ở chủ yếu là nhà sàn và nhà trệt. Nhà trệt của họ khá đặc biệt bởi chân mái thường buông xuống gần đất, nên cửa ra vào có cấu trúc vòm như tổ tò vò trông rất bắt mắt.

Trang phục của đồng bào M'Nông rất phong phú. Đàn ông mặc áo chui đầu, đóng khố, đàn bà mặc váy quần buông dài trên mắt cá chân. Màu sắc của trang phục

thường có màu chàm thẫm, được trang trí bằng các hoa văn trông rất bắt mắt. Đi kèm với trang phục là vòng cổ, vòng tay, khuyên tai, nhẫn bằng bạc, hoặc bằng đồng,...

4.2. Tín ngưỡng, tôn giáo

Dân cư Đắk Nông đa phần là cư dân nông nghiệp lúa rẫy, trong đời sống tín ngưỡng của họ có hệ thống nghi lễ, các lễ hội đa dạng, đặc sắc, trong đó nổi bật là tín ngưỡng đa thần và tín ngưỡng sùng bái tự nhiên. Trong quá trình phát triển, bên cạnh tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ còn có thêm sự du nhập của các tôn giáo mới như Phật giáo, Tin lành, Công giáo,... ở các giai đoạn sau này.



Em hãy trình bày đặc điểm của đời sống văn hoá, tín ngưỡng và tôn giáo của người M'Nông ở Đắk Nông.

5. Văn học, nghệ thuật

Cộng đồng các dân tộc ở Đắk Nông còn lưu giữ nhiều di sản văn hoá vật thể và phi vật thể quý giá và độc đáo. Trong đó, người M'Nông là chủ nhân của nhiều loại hình văn học, nghệ thuật dân gian đặc sắc mà tiêu biểu là sử thi. Nhiều nghệ nhân người M'Nông có những đóng góp rất lớn trong việc sưu tầm, dịch thuật các tác phẩm văn học dân gian như trường ca *Ot N'drong*. Trong văn học dân gian truyền miệng, đồng bào M'Nông có kho tàng đồ sộ về truyện cổ, ca dao, tục ngữ, lời nói vắn.

Ngoài các nhạc cụ bằng tre, nứa, người M'Nông còn có cồng chiêng, đàn đá, đàn môi.



Em hãy kể tên các thành tựu tiêu biểu về văn học, nghệ thuật của người M'Nông ở Đắk Nông.



Luyện tập

1) Trình bày một số nét khái quát về đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá của các cư dân ở Đắk Nông từ thế kỉ X đến thế kỉ XIII.

2) Dựa vào những thông tin về đời sống kinh tế, văn hoá của người M'Nông, em hãy tìm hiểu và trình bày những nét chính về đời sống kinh tế, văn hoá của một số dân tộc như Ê Đê, Mạ...



Vận dụng

Sưu tầm một số hình ảnh, câu chuyện hoặc hiện vật về đời sống kinh tế, văn hoá của người dân Đắk Nông để viết bài giới thiệu (5-10 dòng) về nguồn gốc, ý nghĩa của hình ảnh, câu chuyện hoặc hiện vật đó.



ĐẮK NÔNG - MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ ĐẶC TRƯNG

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được chủ đề, thông điệp, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn.
- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản và cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản.

Bài 1. TIẾNG M'NÔNG - MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VÀ NHỮNG NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN



Khởi động

Học sinh tham gia một trò chơi liên quan đến sự khác nhau trong việc gọi tên cùng một sự vật ở các địa phương.



Khám phá

1. Văn bản

Ở tỉnh Đắk Nông, có khoảng hơn 40 dân tộc cùng sinh sống. Trong số các dân tộc thiểu số, người M'Nông chiếm tỉ lệ cao nhất. Dân tộc M'Nông ở Đắk Nông gồm có 7 nhánh: Preh, Nong, Gar, R'lâm, Cill, Kuênh, Bu Nơr; phương ngữ⁽¹⁾ Preh được lựa chọn làm ngôn ngữ chính vì có đông người sử dụng, khi nói các nhóm khác đều hiểu. Người M'Nông ở địa phương Đắk Nông phổ biến rải rác ở các huyện Đắk Mil, Krông Nô, Đắk R'lấp, Đắk Song.

Tiếng M'Nông (còn gọi là Pnong hoặc Bunong) là ngôn ngữ thuộc chi Bahnar⁽²⁾ của người M'Nông, một dân tộc cư trú ở vùng Tây Nguyên (Việt Nam) và người Pnong ở vùng Mondulkiri ở Đông Bắc Campuchia. Tiếng M'Nông khá phong phú về từ vựng và đa dạng về cấu trúc ngữ pháp, có thể diễn tả đầy đủ đời sống sinh hoạt và tinh thần của người M'Nông, tạo nên bản sắc văn hoá⁽³⁾ riêng biệt của người M'Nông vùng Đắk Nông. Phương ngữ M'Nông mang tính thống nhất cao. Tính thống nhất thể hiện ở quy tắc ngữ pháp, vốn từ ngữ và ngữ âm⁽⁴⁾ với 26 phụ âm, 9 nguyên âm và đa số từ được phát âm thành một âm tiết.

Tỉnh Đắk Nông đã có nhiều công trình nghiên cứu, đề án khoa học nhằm gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ của người M'Nông. Có thể kể đến đề tài khoa học được thực hiện từ năm 2005 đến năm 2008 do Tiến sĩ Nguyễn Kiên Trường (Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ) và ông Trương Anh (nguyên Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Đắk Nông) làm chủ nhiệm, cùng với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu khoa học, giảng viên các trường đại học, một số trí thức người M'Nông. Từ kết quả của đề tài này, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành quyết định thống nhất chữ viết của dân tộc M'Nông, chọn ngôn ngữ M'Nông Preh làm đại diện. Bộ từ điển *M'Nông - Việt* cũng đã hoàn thành với hơn 13 ngàn mục từ, thể hiện đầy đủ phương ngữ của 07 nhánh dân tộc M'Nông. Việc thống nhất chữ viết và xây dựng bộ từ điển M'Nông - Việt là cơ sở để tỉnh Đắk Nông áp dụng việc giảng dạy song ngữ cho học sinh dân tộc thiểu số, đào tạo cán bộ địa phương, góp phần bảo tồn, khôi phục các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ.



Hình 3.1. Công trình Từ điển Việt M'Nông

Ngoài ra còn có đề án của thầy Văn Thành Đạt (giáo viên dạy môn Vật lý, trường THPT Đắc Glong, Đắc Nông) nghiên cứu tạo ra phần mềm tra cứu *Từ điển Việt - M'Nông, M'Nông - Việt trên điện thoại Android*. Đây là một sáng kiến xuất sắc đã đạt giải thưởng trị giá 100 triệu đồng tại Chương trình “Tri thức trẻ vì giáo dục” năm 2019. Phần mềm *Từ điển Việt - M'Nông, M'Nông - Việt trên điện thoại Android* do thầy Đạt nghiên cứu cơ bản đã hoàn thành với khoảng 13 nghìn từ Việt, M'Nông. Khi tra một từ tiếng M'Nông, người dùng sẽ nhận được giải thích nghĩa, giải thích cách dùng và từ loại...



Hình 3.2. Thầy Văn Thành Đạt - người tạo ra phần mềm tra cứu *Từ điển Việt - M'Nông, M'Nông - Việt trên điện thoại Android* (Nguồn: <https://baodansinh.vn>)

Tiếng nói riêng của dân tộc thiểu số là văn hoá phi vật thể⁽⁵⁾ của mỗi dân tộc. Vì thế bảo tồn và phát huy quyền bình đẳng và tự do phát triển ngôn ngữ dân tộc không ngoài mục đích giữ gìn bản sắc văn hoá đa dạng, tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

(Nhóm biên soạn thực hiện/tổng hợp từ *Báo Dân tộc*)

Chú thích:

⁽¹⁾ *phương ngữ*: còn gọi là phương ngôn, là hệ thống ngôn ngữ được dùng cho một tập hợp người nhất định trong xã hội, thường là phân chia theo lãnh thổ hoặc địa bàn cư trú

⁽²⁾ *chi Bahnar*: còn gọi là ngữ chi Bahnar, là một nhóm gồm chừng 30 ngôn ngữ được sử dụng ở một thiểu số người thuộc các nước Việt Nam, Campuchia, Lào

⁽³⁾ *bản sắc văn hoá*: là những nét đặc trưng đặc biệt làm nên sắc thái, bản lĩnh và dấu ấn riêng của mỗi dân tộc, từ những nét đó để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác

⁽⁴⁾ *ngữ âm*: ở đây được hiểu là cơ sở để tạo ra tiếng nói

⁽⁵⁾ *văn hoá phi vật thể*: là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hoá liên quan, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác; bao gồm tiếng nói, chữ viết; ngữ văn dân gian; nghệ thuật trình diễn dân gian; tập quán xã hội và tín ngưỡng; lễ hội truyền thống; nghề thủ công truyền thống; tri thức dân gian

2. Hướng dẫn đọc hiểu

- Văn bản trên thuộc loại văn bản nào? Dựa vào đâu để xác định thể loại của văn bản?
- Vì sao phương ngữ Preh được lựa chọn làm ngôn ngữ chính cho các dân tộc thiểu số ở Đắk Nông?
- Nêu những đặc điểm cơ bản của tiếng M'Nông?
- Theo em, đóng góp quan trọng nhất của hai công trình nghiên cứu, đề án khoa học được nêu trong văn bản là gì? Vì sao?
- Nêu thông điệp có ý nghĩa nhất mà em rút ra từ văn bản



Luyện tập

Sử dụng sơ đồ tư duy để khái quát những điểm nổi bật về nội dung và hình thức của văn bản trên.



Vận dụng

Học sinh tìm hiểu thêm những bài viết trên sách in, trên mạng Internet có nội dung liên quan đến tiếng M'Nông và xác định nội dung chính của những bài viết ấy.

Bài 2. MỆNH MANG ĐÊM OT N'DRONG^(*)



Khởi động

Học sinh tham gia hoạt động gợi nhắc về đặc điểm của tùy bút, tản văn hoặc nêu những hiểu biết về hoàn cảnh diễn xướng sử thi dân gian.



Khám phá

[...] Đêm buông xuống, gió mang lại hơi ẩm thoảng nhẹ, miên man⁽¹⁾ gió. Ánh lửa bập bùng từ bếp như hàng vạn, hàng vạn những ngôi sao của thiên hà⁽²⁾ đang nhấp nháy, tiếng chiêng trầm ấm đến mê muội⁽³⁾ lòng người.

Bắt đầu một đêm Ot N'drong⁽⁴⁾. Bên bếp lửa bập bùng trong không gian vừa huyền bí vừa bung biêng⁽⁵⁾ ấy, những nhân vật trong sử thi “Cướp máy kéo chỉ của Ndu Kon Măch” bắt đầu những bước đi đầu tiên của mình. Giọng già làng lúc trầm, lúc bổng, lúc nhanh, lúc chậm, khi hào hứng, khi buồn thê thiết, cứ thế trước mắt tôi, chàng Tiăng, chàng Long hiện lên như bằng xương bằng thịt, những người con trai tài giỏi của dân tộc mình, những người con trai có sức mạnh bạt núi ngăn sông, những người con trai trí dũng song toàn có thể bảo vệ được buôn làng. Và kia là nàng Mai, bắp chân trắng như cây chuối rừng, sắc đẹp như hoa Pơ-Lang, những người con gái xinh đẹp đảm đang, khiến bất kì người anh hùng nào cũng xiêu lòng. Tôi thấy những mẹ Bông, mẹ Rông... - những bà mẹ sinh ra đất, ra nước, những bà mẹ dạy con làng biết dệt vải, biết trồng cây hái quả. Nghệ nhân hát về những bon làng giàu có. Những câu chuyện trong sử thi cứ thế hiện hiện rõ ràng trước mắt tôi. Như thế tôi có thể ngửi thấy mùi bạt ngàn cỏ xanh, như thể chân tôi đang bước trên con đường vào bon làng giàu có, nơi trâu đầy đồng, bò chắt chuồng, nhà nào cũng có thịt khô gác bếp. Nơi đó những người dân đang cùng nhau ăn năm uống tháng giữa đất trời Tây Nguyên. Chỉ bằng lời hát kể Ot N'drong, già làng đã vẽ nên một không gian sinh động, bao trùm cái huyền thoại ngọt ngào ấy lên cuộc sống hiện thực, khiến tất cả những người ngồi nghe đều cảm thấy như chính mình đang được sống trong sử thi, dường như đó là chính cuộc sống của họ vậy.

Đêm đại ngàn⁽⁶⁾ mệnh mang. Trong gian nhà mái trệt tối ung⁽⁷⁾ như trong hang động. Bên bếp lửa. Những con người sau một ngày lao động, ngồi lặng yên nghe như uống từng lời Ot N'drong. Những chén rượu cần nhấp nhóa⁽⁸⁾ trong ánh lửa. Họ nghe Ot N'drong, gật gù và uống. Đêm càng khuya, rượu càng thêm ngọt, thương nhau thì uống thật lòng, đừng để chén rượu rơi xuống đất, uống cho má đỏ, uống cho môi mềm. Uống cho đôi mình thương nhau mãi mãi như chiêng có cặp, chén có đôi, đừng bao giờ xa lìa nhau, đừng nhạt lòng để người hoá đá. Và nghệ nhân vẫn say sưa hát kể Ot N'drong cho đến khi mặt trời ló rạng...

Những đêm Ot N’drong cứ thế mà kéo dài, kéo dài... Đêm nay, đêm mai, đêm mai nữa... có thể là năm đêm hay bảy đêm thậm chí mười đêm cho đến khi nào kết thúc một sử thi.[...]

(Trích *Những câu hát nghìn năm không cũ*, Nguyễn Giang, 2013,
Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Nông, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr.9)

Chú thích:

- (*) Nhan đề do người biên soạn đặt.
- (1) *miên man*: hết cái này sang cái khác, tiếp liền theo nhau không dứt.
- (2) *thiên hà*: một hệ thống lớn các thiên thể và vật chất liên kết với nhau bằng lực hấp dẫn.
- (3) *mê muội*: ở đây được hiểu là say mê đến mức như không còn biết gì xung quanh.
- (4) *Ot N’drong*: tên một sử thi của dân tộc M’Nông.
- (5) *bung biêng*: nghiêng lệch, lắc lư, không cân bằng.
- (6) *đại ngàn*: rừng lớn và rậm rạp.
- (7) *tối ung*: bóng tối dày đặc và lan ra trên một khoảng rộng.
- (8) *nhấp nhóa*: lóe sáng rồi mất đi, khi tỏ khi mờ.

2. Hướng dẫn đọc hiểu

- a. Dựa vào những thông tin trong văn bản, em hãy cho biết thế nào là “Một đêm Ot N’drong” (không gian và thời gian diễn ra, hoạt động chính, người tham dự)?
- b. Lời kể, nội dung kể của già làng đã tác động đến người nghe ra sao?
- c. Em nhận xét như thế nào về tình cảm, suy nghĩ, khả năng liên tưởng của tác giả được thể hiện trong văn bản?
- d. Theo em, với văn bản này, tác giả đã gửi gắm những điều gì khi viết về văn hoá dân gian?
- e. Em ấn tượng với nét nghệ thuật đặc sắc nào của văn bản này? Vì sao?



Luyện tập

- 1) Điều gì làm em mong muốn được tham dự vào “Một đêm Ot N’drong”?
- 2) Lập bảng tóm tắt những điểm nổi bật về nội dung và hình thức của văn bản.
- 3) Viết đoạn văn (từ 5 đến 6 câu) ghi lại cảm xúc về một vấn đề mà em thích nhất trong văn bản. *Gợi ý: có thể viết về chất trữ tình, về cái tôi hoặc về ngôn ngữ của văn bản.*



Vận dụng

Tìm đọc một bài tùy bút hoặc tản văn trên sách in, trên mạng Internet có nội dung liên quan đến cảnh sắc thiên nhiên của Đắk Nông, đời sống sinh hoạt của các dân tộc thiểu số ở Đắk Nông và viết bài văn ngắn (khoảng 300 chữ) giới thiệu về tác phẩm đó. *Gợi ý: Học sinh cần nêu bật được một số đặc trưng của tùy bút, tản văn (chất trữ tình, về cái tôi hoặc ngôn ngữ,...) được thể hiện trong văn bản.*

Bài 3. CỔ TÍCH CỒNG CHIÊNG



Khởi động

Học sinh nêu những hiểu biết của mình về cồng chiêng hoặc những hoạt động, nghi lễ văn hoá có sử dụng loại nhạc cụ này.



Khám phá

1. Văn bản



Hình 3.3. Cồng chiêng Tây Nguyên (Nguồn: <https://cand.com.vn>)

Vàng mặt trời tròn
Ẩn trong dáng cồng chiêng
Lửa mặt trời nòng lửa đúc chiêng
Lời cồng chiêng: Lời Yang⁽¹⁾ lời Thần Núi
Hào hùng và thiêng liêng

Tiếng chiêng ngân dài
Hơn mái nhà dài
Hơn những đời người
Hơn dòng sông ngọn suối
Nối liền quá khứ - tương lai

Tiếng chiêng bay cao
Qua mái nhà rông
Qua những ngọn núi
Qua sỏi cánh đại bàng
Ân tình vang động cõi nhân gian

Tiếng chiêng
Nổi tình người với Thần Núi thiêng liêng
Thần Lúa linh thiêng
Thần Bến Nước yêu thương
Tiếng chiêng
Bản hoà ca cuộc sống
Hồn đất đai bản thể⁽²⁾ cội nguồn

Tiếng chiêng
Trầm hùng⁽³⁾ lời thác đổ
Ngân nga lời suối reo
Tung tẩy⁽⁴⁾ vòng xoang⁽⁵⁾ lượn
Nồng nàn sức lửa reo

Mừng lúa mới
Mừng bến nước
Lễ đâm trâu
Sôi động đất trời, lửa sáng đêm thâu
Dàn chiêng vang vọng hồn sông núi
Chiêng Tây Nguyên – phép thánh nhiệm màu⁽⁶⁾...

(Lê Anh Phong, Tạp chí *Năm Nung*, số 172, tháng 3 năm 2021,
Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Đắk Nông)

Chú thích:

⁽¹⁾ *Yang*: còn gọi là Giàng, là tên gọi của vị chúa tể thần linh (ông trời) của các đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

⁽²⁾ *bản thể*: cái cốt yếu, cơ bản của sự vật.

⁽³⁾ *trầm hùng*: vừa tha thiết vừa mạnh mẽ, làm thôi thúc lòng người.

⁽⁴⁾ *tung tẩy*: chuyển động lên xuống, qua lại một cách tự nhiên, liên tiếp, trông vui mắt.

⁽⁵⁾ *xoang*: cách gọi của hình thức múa tập thể đông người của đồng bào các dân tộc thiểu số tạo thành vòng tròn trong ngày hội, thường di chuyển ngược chiều kim đồng hồ.

⁽⁶⁾ *nhiệm màu*: tài tình đến mức như có phép lạ, không thể hiểu được bằng lẽ thường.

2. Hướng dẫn đọc hiểu

- a. Có thể chia văn bản ra làm mấy phần? Nội dung chính của từng phần là gì?
- b. Theo em, những nội dung trong văn bản có phù hợp với nhan đề hay không? Vì sao?
- c. Em ấn tượng với điều gì nhất trong các nội dung tác giả viết về tiếng chuông trong văn bản? Vì sao?
- d. Em nhận xét như thế nào về tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện trong văn bản?
- e. Theo em, với văn bản này, tác giả đã gửi gắm những điều gì khi viết về công chuông?
- f. Em ấn tượng với nét nghệ thuật đặc sắc nào của văn bản này? Vì sao?



Luyện tập

- 1) Theo em, nếu thiếu đi điệu công chuông, những hoạt động, nghi lễ văn hoá có còn giữ được nguyên vẹn giá trị hay không? Vì sao?
- 2) Lập bảng tóm tắt những điểm nổi bật về nội dung và hình thức của văn bản.
- 3) Viết đoạn văn (từ 8 đến 10 câu) ghi lại cảm xúc về một đoạn thơ mà em thích nhất trong văn bản.



Vận dụng

- 1) Tìm đọc những bài thơ trên sách in hoặc trên mạng Internet có nội dung liên quan đến công chuông hoặc những hoạt động, nghi lễ văn hoá có sử dụng loại nhạc cụ này.
- 2) Viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 - 200 chữ) nêu cảm nghĩ của mình về một trong số những bài thơ ấy. *Gợi ý: Học sinh cần nêu bật cảm xúc của mình đối với vai trò của công chuông trong hoạt động hoặc nghi lễ ấy và một số đặc trưng của thơ (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, ...) được thể hiện trong văn bản.*

Bài 1. MỘT SỐ DI SẢN VĂN HOÁ CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số loại di sản văn hoá của tỉnh Đắk Nông.
- Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội ở Đắk Nông.



Khởi động

Em hãy quan sát và gọi tên di sản văn hoá thể hiện trong hình ảnh sau. Chia sẻ sự hiểu biết của em về di sản văn hoá đó.



Hình 4.1. (Nguồn: <https://hutc.org>)



Khám phá

1. Di sản văn hoá ở tỉnh Đắk Nông

Em hãy đọc các thông tin sau và trả lời các câu hỏi

Thông tin 1. Không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên trải rộng suốt 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng và chủ nhân của loại hình văn hoá đặc sắc này là cư dân các dân tộc Tây Nguyên: Bana, Xêđăng, M'Nông, Coho, Romăm, Ê Đê, Giarai,... Cồng chiêng gắn bó mật thiết với cuộc sống của người Tây Nguyên. Cồng chiêng còn là tài sản quý giá, biểu tượng cho quyền lực và sự giàu có. Vào những ngày hội, hình ảnh những vòng người nhảy múa quanh ngọn lửa thiêng, bên những vò rượu cần trong tiếng cồng chiêng vang vọng núi rừng, tạo cho Tây Nguyên một không gian lãng mạn và huyền ảo. Mỗi dân tộc đều có những bản nhạc cồng chiêng riêng để diễn tả vẻ đẹp thiên nhiên, khát vọng của con người... Người Giarai có các bài chiêng Juan, Trum vang... Người Bana có các bài chiêng: Xa Trắng, Sakapo, Atâu, Toroi... Âm thanh của cồng chiêng còn là chất men

lôi cuốn gái trai vào những điệu múa hào hứng của cả cộng đồng trong những ngày hội của buôn làng. Di sản văn hoá Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên được UNESCO ghi danh là Kiệt tác truyền khẩu và Di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại (2005), sau được chuyển sang danh sách Di sản Văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại (2008). Di sản văn hoá cồng chiêng đã có những đóng góp tích cực vào đời sống văn hoá, tinh thần của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên, trở thành một nét đặc sắc để phát triển du lịch vùng đất này.

(Dẫn theo: *Phuong Thao (2020), Cồng chiêng Tây Nguyên - Kiệt tác văn hoá của nhân dân*, <https://hutc.org>).

Thông tin 2. Dân ca của người M'Nông ở Đắk Nông (còn gọi là Nau M'pring), là hình thức diễn xướng dân gian (không có nhạc đệm) được người M'Nông sáng tác, sản sinh từ lao động sản xuất, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và được cộng đồng coi là tài sản chung của tộc người.

Dân ca M'Nông được bắt nguồn từ một nền nông nghiệp nương rẫy, hình thành cơ bản trên cơ sở lời nói vần, một hình thức đặc biệt trong ngôn ngữ của tộc người M'Nông. Mặc dù đã trải qua quá trình giao lưu văn hoá sâu rộng, song dân ca M'Nông vẫn phát triển, phong phú về thể loại, đa dạng về thang âm và giữ được những nét đặc trưng. Hình thức truyền miệng dân ca vẫn là phương thức lưu truyền, phổ biến trong cộng đồng.

Dân ca M'Nông có nhiều thể loại như: hát ru con, hát đồng dao, hát kể sử thi, hát khóc, hát khấn thần, hát giao duyên, hát múa,... Về cách thể hiện thì có hai hình thức diễn xướng là độc diễn (hát một người) và hát đối đáp: giao duyên nam nữ hoặc những người lớn tuổi với nhau.

Dân ca M'Nông chính là hình thức giao tiếp giữa con người với thế giới siêu nhiên, hát về tình yêu đôi lứa, ca ngợi những chàng trai anh dũng chống lại cái ác để bảo vệ buôn làng, thiên nhiên tươi đẹp. Dân ca M'Nông bảo vệ và trao truyền các tri thức về tự nhiên, xã hội và con người như: các hiện tượng nắng, mưa, gió, bão, sấm sét, đêm ngày, núi rừng, sông suối, ao hồ, đầm lầy, trời đất,...; ứng xử với tự nhiên trong lao động sản xuất, săn bắt, hái lượm,...; ứng xử giữa con người với nhau; về văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần.

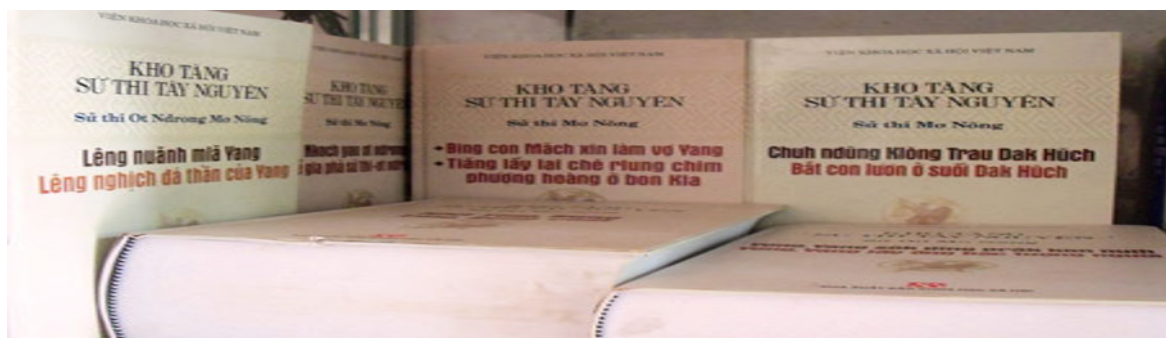
(Nguồn: *Nguyệt Anh (2021), Nau M'pring - Di sản văn hoá phi vật thể vô giá của người M'Nông, báo Dân tộc và phát triển*)



- 1) Di sản văn hoá nào của tỉnh Đắk Nông được nói đến trong các thông tin trên?
- 2) Theo em, các di sản văn hoá đó thuộc loại nào?
- 3) Các di sản văn hoá đó có những nét đặc sắc nào?

2. Ý nghĩa của di sản văn hoá đối với người dân tỉnh Đắk Nông

Em hãy đọc thông tin và trả lời các câu hỏi



Hình 4.2. Kho tàng sử thi Tây Nguyên (Nguồn: <https://baokhanhhoa.vn>)

Sử thi M'Nông (người bản tộc gọi là Ot N'drong) thuộc loại sử thi cổ sơ, được hình thành và lưu truyền trải qua một quá trình lâu dài, đặc biệt là qua hoạt động sáng tạo của người kể. Không những thuộc các cốt truyện, nhân vật, chủ đề, người kể còn vận dụng ngôn từ truyền thống để hát kể và ứng tác thành những tác phẩm sử thi tương đối hoàn chỉnh.

Sử thi M'Nông có thể bao gồm ba chủ đề chính: Sự hình thành vũ trụ, con người và xã hội; Ca ngợi cuộc sống trù phú và hạnh phúc của cộng đồng; Chiến tranh và người anh hùng. Sử thi M'Nông gắn liền với sự hình thành và phát triển của cộng đồng người M'Nông; chứa đựng các tri thức về tự nhiên, xã hội và con người, như: kể về các hiện tượng và quan hệ ứng xử để thích nghi của con người trong tự nhiên; sinh hoạt đời sống vật chất và tinh thần; quan hệ gia đình, dòng họ; về tính cách, lối sống, phẩm chất của con người. Sử thi M'Nông giáo dục con người hướng tới cuộc sống tốt đẹp, góp phần quan trọng vào việc hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của con người. Với những giá trị lịch sử, khoa học, văn hoá, Ot N'drong (Sử thi) của người M'Nông được Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định đưa vào Danh mục Di sản Văn hoá phi vật thể quốc gia năm 2014.

(Dẫn theo: Cục Di sản Văn hoá, Ot N'drong (Sử thi) của người M'Nông ở tỉnh Đắk Nông, <http://dsvh.gov.vn>)



1) Sự sáng tạo của người kể sử thi của người M'Nông được thể hiện qua chi tiết nào?

2) Sử thi của người M'Nông có ý nghĩa như thế nào đối với con người và xã hội? Từ đó, em hãy cho biết ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội Đắk Nông.



Luyện tập

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên ở tỉnh Đắk Nông là di sản văn hoá vật thể.

b. Chủ thể của Di sản không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên là cư dân các dân tộc: Bana, Xêđăng, M'Nông, Coho, Rơmăm, Ê Đê, Giarai...

c. Mỗi dân tộc đều có những bản nhạc cồng chiêng riêng để diễn tả vẻ đẹp thiên nhiên, khát vọng của con người Tây Nguyên.

d. Ot N’drong (Sử thi) của người M’Nông được đưa vào Danh mục Di sản văn hoá vật thể quốc gia.

2. Em hãy hoàn thành bảng gợi ý sau:

Tên di sản văn hoá ở tỉnh Đắk Nông	Năm công nhận

3. Em hãy xử lý tình huống sau

Chương trình Thời sự trên Đài truyền hình tỉnh Đắk Nông đưa tin về việc Không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên được công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và Di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại. Bạn Tuấn quay sang hỏi bạn Hùng:

- Tuyệt vời Hùng nhỉ? Tỉnh mình có được một Di sản văn hoá để cả thế giới biết đến.

Hùng gật đầu:

- Đó là niềm tự hào không chỉ của riêng tỉnh mình mà còn cả khu vực Tây Nguyên bạn ạ! Đó là di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại cần được giữ gìn và phát huy.

Tuấn băn khoăn: Nhưng sao lại là di sản phi vật thể. Mình nghĩ là di sản vật thể chứ! Vì có cồng, có chiêng mà bạn.

Nếu là Hùng, em sẽ giải thích như thế nào để Tuấn phân biệt được di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể?



Vận dụng

Em hãy tìm hiểu và viết một bài giới thiệu ngắn khoảng 150 chữ về một tác phẩm sử thi của người M’Nông hoặc về một bản nhạc cồng chiêng và chia sẻ với các bạn trong lớp.

Bài 2. BẢO TỒN DI SẢN VĂN HOÁ CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được các hoạt động bảo tồn di sản văn hoá của tỉnh Đắk Nông.
- Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá của tỉnh Đắk Nông.
- Thực hiện một số việc làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo tồn di sản văn hoá của tỉnh Đắk Nông.



Khởi động

Em hãy quan sát các hình ảnh sau và thực hiện yêu cầu



Hình 4.3. (Nguồn: Báo Đắk Nông điện tử)



Hình 4.4. (Nguồn: Báo Tuổi trẻ)

Em hãy tìm thông điệp chủ đề từ hai hình trên và chia sẻ về thông điệp chủ đề đó với các bạn.



Khám phá

1. Một số hoạt động bảo tồn di sản văn hoá ở tỉnh Đắk Nông

Em hãy quan sát hình, đọc các thông tin sau và trả lời các câu hỏi



Hình 4.5. Văn hoá cồng chiêng trở về với bon, làng (Nguồn: Báo Đắk Nông điện tử)

Thống kê của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Đắk Nông cho thấy, năm 2001, trên địa bàn 6 huyện có 1 000 bộ chiêng, thì đến năm 2005 chỉ còn khoảng 300 bộ. Điều đáng nói là nhiều gia đình sở hữu những bộ chiêng quý hàng trăm năm tuổi, được lưu truyền qua nhiều thế hệ, mỗi bộ trị giá hàng chục con trâu, bò cũng bị người dân đem bán. Bên cạnh đó, do sự xâm nhập mạnh mẽ của nhiều loại hình văn hoá, nên đồng bào cũng ít tổ chức các lễ hội truyền thống dẫn đến thu hẹp không gian diễn tấu cồng chiêng...

Trước thực trạng đó, tỉnh Đắk Nông đã phối hợp với các địa phương trong tỉnh thành lập được 8 câu lạc bộ cồng chiêng tại 8 huyện, thị xã với đông đảo nghệ nhân và đồng bào các dân tộc tham gia. Ngoài ra, hằng năm, Đắk Nông còn tổ chức nhiều lớp truyền dạy đánh cồng chiêng, chỉnh chiêng cho các thanh thiếu niên ở các bon làng và học sinh các trường dân tộc nội trú. Cùng với việc tuyên truyền, truyền dạy cách đánh cồng chiêng cho thế hệ trẻ, tỉnh đã mua và cấp 80 bộ cồng chiêng cho các bon làng, đồng thời phục dựng lại một số lễ hội truyền thống của người M'Nong.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá cồng chiêng trên địa bàn đã đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận. Tình trạng “chảy máu cồng chiêng” đã cơ bản được ngăn chặn, nhiều nghi thức, nghi lễ gắn với văn hoá cồng chiêng đã được phục dựng và có mặt ở nhiều gia đình đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên; cồng chiêng Tây Nguyên đã vang lên ở rất nhiều nước trên thế giới và đã trở thành một trong những sản phẩm du lịch đặc sắc...

(Trích: Nam Nguyên (2009), Đắk Nông: Nỗ lực bảo tồn không gian văn hoá cồng chiêng, báo Dân tộc và Phát triển)



- 1) Không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên đang đứng trước những thách thức nào?
- 2) Chính quyền tỉnh Đắk Nông đã thực hiện những biện pháp nào nhằm bảo tồn không gian văn hoá cồng chiêng? Các biện pháp đó đã mang lại hiệu quả gì?
- 3) Hãy nêu những hoạt động góp phần bảo tồn di sản văn hoá - lịch sử tại địa phương của em.

2. Trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn các di sản văn hoá của tỉnh Đắk Nông

Em hãy quan sát hình, đọc thông tin sau và trả lời các câu hỏi



Hình 4.6. Đưa nghệ thuật cồng chiêng vào trong các trường dân tộc nội trú
(Nguồn: <http://www.cema.gov.vn/>)

Trên địa bàn tỉnh, nghệ thuật cồng chiêng đã được dạy tại 6 trường dân tộc nội trú tại các huyện Cư Jút, Krông Nô, Đắk Mil, Đắk R'lấp, Đắk Song và thị xã Gia Nghĩa. Đối tượng học là các học sinh có độ tuổi từ 11 tuổi trở lên. Hiện nay, hai trường dân tộc nội trú là Đắk Song và N'Trang Long có hai bộ chiêng, các trường khác có một bộ do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp. Tại đây, các em được các nghệ nhân dạy về nội dung và hình thức diễn tấu, cách đánh, nhịp điệu từng bài chiêng... quen thuộc trong đời sống. Với bộ môn không chính thức, cồng chiêng đang được nhiều học sinh ủng hộ và tham gia. Nhiều trường đã có các đội chiêng với những lứa tuổi khác nhau. Việc đưa cồng chiêng vào môi trường học đường không chỉ gìn giữ tiếng chiêng, tiếng trống mà còn rèn luyện thêm ý thức giúp các em biết gìn giữ tinh hoa dân tộc.

(Trích: Theo TTXVN (2014), Đắk Nông: Đưa nghệ thuật cồng chiêng vào môi trường học đường, Cổng thông tin điện tử Ủy ban Dân tộc).



- 1) Em hãy nêu ý nghĩa của việc đưa nghệ thuật cồng chiêng vào môi trường học đường của tỉnh Đắk Nông.

- 2) Em hãy trình bày các việc làm thể hiện trách nhiệm của bản thân em góp phần bảo tồn di sản văn hoá của tỉnh Đắk Nông.
- 3) Em hãy thảo luận cùng bạn và đưa ra một số hành vi đúng hoặc hành vi đáng lên án trong việc bảo tồn di sản văn hoá.



Luyện tập

1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

- a. Bảo tồn di sản văn hoá là công việc chỉ của Nhà nước.
- b. Việc đưa Sử thi M'Nông vào giảng dạy cho học sinh tỉnh Đắk Nông là cần thiết.
- c. Trân trọng và gìn giữ giá trị văn hoá là trách nhiệm của mỗi chúng ta.
- d. Truyền dạy công chiêng cho thế hệ trẻ là góp phần bảo tồn di sản văn hoá.

2. Em hãy nhận xét về suy nghĩ của các bạn trong các trường hợp sau:

Trường hợp 1. Nhà trường tổ chức mời nghệ nhân về dạy nội dung và hình thức diễn tấu, cách đánh, nhịp điệu từng bài chiêng cho học sinh. Thấy các bạn trong lớp rất háo hức đăng kí tham gia, T. bảo các bạn: Học đánh công chiêng chỉ dành cho các anh chị lớn tuổi. Chúng mình còn nhỏ thì học đánh công chiêng không phù hợp.

Trường hợp 2. Trong giờ học môn giáo dục địa phương, cô giáo yêu cầu làm bài báo cáo về một di sản ở địa phương. Nhóm của P. quyết định chọn Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông. P. lí giải: Đây là một trong ba công viên địa chất của cả nước được UNESCO vinh danh nên mình phải tự hào vì điều đó.

3. Em hãy kể lại một việc làm góp phần bảo tồn di sản văn hoá ở tỉnh Đắk Nông mà em tâm đắc nhất



Vận dụng

Em hãy cùng bạn chọn một di sản văn hoá của địa phương và xây dựng kế hoạch để bảo tồn di sản văn hoá đó.

Yêu cầu cần đạt

- Kể tên được một số loại cây công nghiệp ở tỉnh Đắk Nông.
- Trình bày được vai trò của cây công nghiệp lâu năm ở tỉnh Đắk Nông.
- Mô tả được đặc điểm, giá trị dinh dưỡng của cây mắc ca.
- Trình bày được vai trò của cây mắc ca đối với kinh tế địa phương.



Khởi động

Cây mắc ca có giá trị dinh dưỡng cao, đang được nhiều nông dân ở tỉnh Đắk Nông lựa chọn trồng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Vậy cây mắc ca được trồng như thế nào? Chúng có vai trò, đặc điểm và giá trị dinh dưỡng như thế nào?



Khám phá

1. Tìm hiểu một số loại cây công nghiệp lâu năm ở tỉnh Đắk Nông

Đắk Nông có tổng diện tích đất tự nhiên là 650.927 ha. Đất đai Đắk Nông khá phong phú và đa dạng, nhưng chủ yếu gồm 05 nhóm chính: nhóm đất xám trên nền đá macma axit và đá cát chiếm khoảng 40% diện tích và được phân bố đều toàn tỉnh. Đất đỏ bazan trên nền đá bazan phong hoá chiếm khoảng 35% diện tích, có tầng dày bình quân 120 cm, phân bố chủ yếu ở Đắk Mil, Đắk Song.

Với tài nguyên đất đai nêu trên, Đắk Nông rất thuận lợi cho việc phát triển các loại cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế như: cà phê, cao su, chè, tiêu, mắc ca.

Các huyện có diện tích cà phê lớn là Đắk Song (22.530 ha), Tuy Đức (19.212 ha), Đắk Mil (21.200 ha), Đắk R'lấp (19.842 ha). Diện tích hồ tiêu tập trung nhiều nhất là ở các huyện: Đắk Song (14.357 ha), Đắk R'lấp (5.624 ha). Diện tích điều tập trung chủ yếu tại các huyện: Đắk R'lấp (3.930 ha), Krông Nô (3.261 ha), Tuy Đức (4.734 ha).



Hình 5.1. Vườn cà phê trồng xen cây tiêu tại xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông
(Ảnh: Phạm Bình)

Diện tích trồng cây mắc ca của tỉnh tăng lên theo từng năm, nhưng hiện tại toàn tỉnh mới có khoảng 100 ha cho thu hoạch với năng suất trung bình 1,3 tấn/ha. Diện tích nhiều nhất vẫn là huyện Tuy Đức với 750 ha, huyện Đắk Glong 161 ha, huyện Đắk Song 32 ha,...

Bảng 5.1. Sản lượng và diện tích một số cây trồng chủ lực của tỉnh Đắk Nông

Loại cây	Năm 2017		Năm 2020		Năm 2021	
	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
Cà phê	127.452	267.499	130.683	316.422	131.537	335.000
Tiêu	32.902	38.302	34.321	48.604	34.636	57.440
Mắc ca	900	117	1.177	162	1.527	180
Cao su	26.348	26.566	23.798	29.331	24.143	31.200
Lúa	129.400	74.640	12.729	77.046	12.685	78.500
Ngô	50.460	325.020	47.956	308.962	41.930	275.200
Khoai lang	7.030	87.100	7.000	93.373	6.559	98.200

(Nguồn: Báo cáo số 875/BC-SNN ngày 24/12/2021 và số 2894/BC-SNN ngày 19/12/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông)



- 1) Dựa vào bảng 5.1, hãy so sánh sản lượng và diện tích cây trồng năm 2017 với năm 2021.
- 2) Theo em, cây công nghiệp lâu năm có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế của địa phương?

2. Cây mắc ca

2.1. Giới thiệu về cây mắc ca

Mắc ca (tên đầy đủ là macadamia) là cây gỗ lớn, có nguồn gốc ở vùng rừng mưa ven biển thuộc miền Nam Queensland và miền Bắc New South Wales ở Australia.

Mắc ca là một trong những cây trồng có giá trị kinh tế và giá trị dinh dưỡng cao. Trung bình cứ 100 gram hạt mắc ca cung cấp được 178 calo, đồng thời mắc ca có nhiều dưỡng chất, khoáng chất, chất chống oxy hoá và vitamin cần thiết cho sức khỏe, không chứa cholesterol.

Hạt mắc ca được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào để tạo ra khá nhiều thành phẩm tốt cho sức khỏe với giá trị kinh tế cao: làm thực phẩm với hàm lượng dinh dưỡng cao, chế biến dầu ăn, chế biến các sản phẩm chăm sóc da và tóc.



Hình 5.2. Vườn mắc ca tại xã Đắk Búk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông
(Ảnh: Phạm Bình)



Em hãy cho biết giá trị dinh dưỡng của cây mắc ca và chúng có vai trò như thế nào đối với con người và hoạt động kinh tế của địa phương?

Sơ lược tình hình phát triển của cây mắc ca tại Việt Nam

Vào năm 1994, cây mắc ca đầu tiên được Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam trồng thử tại huyện Ba Vì (thuộc Hà Nội ngày nay) và một số địa phương trong cả nước. Kết quả nghiên cứu sau hơn 10 năm cho thấy, hai vùng Tây Bắc và Tây Nguyên rất phù hợp với cây mắc ca, sản lượng quả của Việt Nam chỉ đứng sau Hoa Kỳ, cao hơn cả Úc và nhiều nước khác. Từ đó cho thấy xét về mặt sản lượng, phát triển cây mắc ca tại Việt Nam có rất nhiều tiềm năng.

Tình hình sản xuất mắc ca tại Đắk Nông

Hiện nay, toàn tỉnh Đắk Nông có trên 1.527 ha mắc ca, tập trung chủ yếu ở Tuy Đức, Đắk R'lấp, Đắk Glong, Đắk Song.

Nhằm hỗ trợ nông dân và các tổ chức, cá nhân liên quan đến phát triển sản xuất mắc ca, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, tăng thu nhập, UBND tỉnh Đắk Nông đã ký kết hợp tác với Hiệp hội mắc ca Việt Nam để phát triển 8.000 ha mắc ca giai đoạn 2021 - 2025.



Hình 5.3. Vườn mắc ca tại xã Đắk Búk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (Ảnh: Phạm Bình)

2.2. Kỹ thuật trồng cây mắc ca

- Điều kiện khí hậu

- + Nhiệt độ bình quân: 15°C - 35°C, thích hợp nhất là 20°C - 25°C.
- + Lượng mưa bình quân năm: 1.600 - 2.500 mm.
- + Độ cao so với mặt nước biển: từ 10 m trở lên.
- + Những nơi ít bị gió phơn (gió Lào), sương muối, mưa phùn.

- Đất đai và địa hình

+ Đất đai: chỉ nên trồng mắc ca ở những nơi đất tốt, thích hợp nhất ở nơi có độ dày tầng đất > 50 cm, khả năng thoát nước tốt, giàu hữu cơ, độ pH (KCl) = 4 - 6,5; không trồng cây mắc ca trên đất cát, đất ngập úng, đất chua phèn.

+ Địa hình: tương đối bằng phẳng, độ dốc < 20°.

- Phương thức, mật độ và thời vụ trồng

+ Cây mắc ca có thể trồng theo hai phương thức là trồng thuần loại hoặc trồng xen với cà phê, chè, hồ tiêu.

+ Trồng thuần loại với mật độ từ 205 cây/ha (cự li 7 x 7 m) đến 278 cây/ha (cự li 6 x 6 m); Trồng xen trên các rãnh luống: cà phê với mật độ 124 cây/ha (cự li 9 x 9 m), 138 cây/ha (cự li 12 x 6 m); hồ tiêu với mật độ 124 cây/ha (cự li 9 x 9 m); chè (trà) với mật độ 111 cây/ha (cự li 15 x 6 m).

+ Thời vụ trồng tốt nhất là mùa xuân đối với các tỉnh phía Bắc, đối với các tỉnh phía Nam trồng vào đầu mùa mưa.

 Em hãy cho biết điều kiện khí hậu và địa hình ở Đắk Nông có phù hợp để trồng cây mắc ca không? Vì sao?

2.3. Chăm sóc cây mắc ca

- Chăm sóc

Khi trồng xong thì tưới ẩm ít nhất trong 20 ngày để cây phục hồi và ra lộc non; trong 2 tháng tiếp theo thực hiện tưới cây 1 tuần 1 lần; lượng nước tưới khoảng từ 10 - 15 lít/cây. Trong suốt quá trình chăm sóc cần xới đất, làm cỏ xung quanh gốc cây từ 0,8 - 1 m.

- Bón phân

+ Bón thúc khi cây trồng được nhỏ hơn 5 năm tuổi, bón vào tháng 1 - 2 hàng năm bằng phân chuồng hoai kết hợp phân NPK và vôi bột.

+ Những năm tiếp theo khi cây đã ra quả: bón 50 - 70 kg phân chuồng hoai hoặc phân vi sinh (liều lượng theo chỉ dẫn trên bao bì) kết hợp 1,0 kg lân và 0,2 - 0,4 kg kali và 0,1 kg vôi bột.

+ Thời kì bón: Khu vực Tây Nguyên bón vào tháng 8 - 9, khu vực Tây Bắc bón vào tháng 10 - 11; bón sau khi thu hoạch quả và vệ sinh tỉa cành, tạo tán.

 Em hãy nêu các giai đoạn cần bón phân cho cây mắc ca? Thời kì nào cần bón nhiều phân nhất để đạt hiệu quả cao nhất?

- Phòng trừ sâu hại

+ Quét vôi xung quanh gốc cây mỗi năm 2 lần: lần 1 vào tháng 12 năm trước đến tháng 1 năm sau; lần 2 vào tháng 7 - 8 để phòng chống sâu hại.

+ Vị trí quét bắt đầu từ phần dưới gốc cây (bới phần đất mặt sâu xuống 2 cm) quét lên thân cây khoảng 50 - 80 cm.

+ Kiểm tra thường xuyên thân cây, nếu bị sâu đục thân thì dùng kim tiêm bơm thuốc trừ sâu vào lỗ sâu đục rồi lấy đất sét bịt lại.

 Em hãy cho biết các biện pháp phòng trừ sâu hại cho cây mắc ca.

- Tỉa cành tạo tán

- + Thực hiện tỉa cành tạo tán ở năm thứ nhất và năm thứ hai.
- + Tùy vào tình hình cụ thể, với cây sinh trưởng ngọn mạnh thì cắt ngọn thân chính để xúc tiến phân cành; đối với những cây sinh trưởng ở ngọn yếu không cần cắt ngọn thân chính, chỉ cắt bớt ngọn các cành bên.
- + Cắt ngọn được tiến hành 3 lần: lần 1 ở vị trí cách mặt đất 1 m; lần 2 ở vị trí cách 0,6 - 0,8 m so với vị trí bấm lần 1; lần 3 cách vị trí bấm lần 2 từ 0,6 - 0,8 m.
- + Chọn những cành khỏe (2 - 3 cành) giữ lại, tỉa bỏ những cành yếu.
- + Sau năm thứ 2 để cây phát triển bình thường, các năm tiếp theo chỉ tỉa bỏ những cành rất nhỏ phát triển ở tầng tán thứ 3 đối với những cây có tán quá dày.



Em hãy cho biết tác dụng của việc tỉa cành tạo tán cho cây mắc ca.

2.4. Thu hoạch, chế biến và bảo quản hạt mắc ca

- Thu hoạch và chế biến hạt mắc ca

+ Hạt mắc ca khi chín có kích thước to tròn và có độ lớn nhất định. Người nông dân sẽ tiến hành hái quả mắc ca từ trên cây xuống. Bên ngoài hạt mắc ca sẽ có một lớp vỏ xanh bao quanh. Ta cần phải loại bỏ lớp vỏ xanh và tiến hành tách vỏ hạt mắc ca tươi.

+ Hạt mắc ca được sấy chín ở nhiệt độ 100°C - 120°C trong khoảng thời gian từ 40 - 60 phút. Đây là công đoạn cần thực hiện chính xác để hạt được giòn, bùi, béo mà vẫn giữ được độ trắng của nhân hạt mắc ca.

+ Tiếp theo, chuyển sang công đoạn sấy khô hạt mắc ca. Thời gian sấy khô từ 10 - 15 tiếng. Độ ẩm của hạt đạt mức từ 10 - 13% giúp hạt bảo quản được lâu hơn.



Hình 5.4. Hạt mắc ca
(Ảnh: Phạm Bình)



Để có được hạt mắc ca ngon, bùi, béo thì người ta đã chế biến như thế nào?

- Bảo quản hạt mắc ca

Hạt mắc ca sau khi được làm cho nứt vỏ xong, tiến hành đóng gói và hút chân không để giúp mắc ca được bảo quản lâu hơn. Không phải thêm bất cứ chất bảo quản nào khác. Quá trình này giúp mắc ca giữ được hương vị, độ giòn, béo của hạt.



Vì sao sau khi chế biến thì phải cần bảo quản hạt mắc ca đúng phương pháp?



Luyện tập

Chọn câu trả lời đúng:

1) Trong các khu vực dưới đây, khu vực nào trồng được cây mắc ca mang lại hiệu quả kinh tế cao?

- A. Tây Nguyên
- B. Tây Bắc
- C. Hà Nội
- D. Tây Nguyên và Tây Bắc

2) Để cây công nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế bền vững, người dân nên trồng...

- A. càng nhiều càng tốt
- B. mỗi loại cây một ít
- C. theo quy hoạch
- D. theo quy hoạch và tập trung vào chất lượng



Vận dụng

- 1) Em hãy cho biết lợi ích của mô hình trồng đa canh, xen canh các cây nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông?
- 2) Em hãy viết một báo cáo ngắn mô tả các bước tiến hành chế biến và bảo quản sản phẩm của một cây công nghiệp tại địa phương em.

Bài 1. ĐỘC ĐÁO THỎ CẨM ĐẮC NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được nét độc đáo của nghề dệt thổ cẩm Đắk Nông
- Vận dụng được nhịp điệu của đường nét, họa tiết, hoa văn vào sáng tạo sản phẩm.
- Cảm nhận và đánh giá được sự độc đáo qua đường nét, họa tiết, hoa văn của thổ cẩm Đắk Nông.



Khởi động

Thổ cẩm là sản phẩm vải dệt thủ công có truyền thống lâu đời. Có khoảng 40 dân tộc cùng sinh sống tại tỉnh Đắk Nông nên kiểu dáng họa tiết, hoa văn trên thổ cẩm ở đây vừa đa dạng và phong phú; vừa đậm đà bản sắc riêng của từng dân tộc. Tất cả các họa tiết, hoa văn đều giàu tính biểu tượng, biểu đạt các giá trị nhân văn, tạo nên nét đặc trưng riêng cho thổ cẩm Đắk Nông, được các nghệ nhân xưa truyền lại cho đến tận bây giờ.



Hình 6.1. Trang phục thổ cẩm - nét đặc trưng của đồng bào các dân tộc thiểu số
(Ảnh: Mỹ Hằng – Báo Đắk Nông điện tử)



Dựa vào những hiểu biết của mình, em hãy chia sẻ thêm về nghề dệt thổ cẩm ở địa phương.



Khám phá

1. Tìm hiểu nét độc đáo của nghề dệt thổ cẩm ở Đắk Nông

Dựa vào hiểu biết của em, quan sát một số hình ảnh và thảo luận nhóm theo gợi ý dưới đây để tìm hiểu về nét độc đáo của thổ cẩm Đắk Nông

- Đường nét, màu sắc và bố cục sắp xếp các họa tiết hoa văn trên vải thổ cẩm của một số dân tộc tại Đắk Nông như thế nào?



Hình 6.2. Chăn (mền) dân tộc M'Nông
(Ảnh: Nguyễn Xuân Hải)



Hình 6.3. Họa tiết trên chăn (mền) dân tộc M'Nông
(Ảnh: Nguyễn Xuân Hải)



Hình 6.4. Áo nữ dân tộc M'Nông
(Ảnh: Nguyễn Xuân Hải)



Hình 6.5. Áo nam dân tộc M'Nông
(Ảnh: Nguyễn Xuân Hải)

- Người nghệ nhân đã dệt vải thổ cẩm như thế nào?



Hình 6.6. Dệt thổ cẩm (Nguồn: Hồ Mai - Báo ảnh Dân tộc và Miền núi)
Do đặc thù của khung cửi nên người dệt phải ngồi dưới nền đất, hai chân duỗi thẳng để căng khung vải

2. Ứng dụng của thổ cẩm trong cuộc sống

Em hãy quan sát những hình sau và trình bày các ứng dụng của nghề dệt thổ cẩm trong cuộc sống



Hình 6.7. Trang trí sân khấu
(Nguồn: <https://doanhnghiepthuonghieu.vn>)



Hình 6.8. Các sản phẩm ứng dụng từ thổ cẩm của đồng bào ở Đắk Nông
(Nguồn: vietnamplus.vn)

EM CÓ BIẾT?

Đồng bào dân tộc tại chỗ ở Đắk Nông gồm M'Nông, Mạ, Ê Đê... và các dân tộc phía Bắc di cư đến Đắk Nông sinh sống vẫn duy trì nghề dệt thổ cẩm.

Nguyên liệu dệt là sợi chỉ làm từ bông hoặc gai. Sợi chỉ được nhuộm màu bằng lá, vỏ, rễ... các loại cây rừng. Ngày nay, chủ yếu các bà, các chị dệt bằng sợi len. Khung cửi dệt thổ cẩm của các tộc người M'Nông, Mạ, Ê Đê khá giống nhau, thường được làm bằng tre nứa, gỗ.

Tùy quan niệm, tín ngưỡng, cách ứng xử với môi trường thiên nhiên và xã hội của mỗi tộc người mà đường nét hoa văn, cách bố trí các họa tiết, màu sắc cũng khác nhau. Các họa tiết hoa văn thường được dệt nổi trên nền vải, lấy ý tưởng là chim muông, hoa lá, hạt giống, hoặc mô phỏng hoạt động của con người và các hiện tượng thiên nhiên... *Họa tiết thổ cẩm áp dụng các nguyên lý tạo hình như đối xứng, xen kẽ, lặp lại để tạo nhịp điệu và kết hợp thành đường diềm trang trí.*

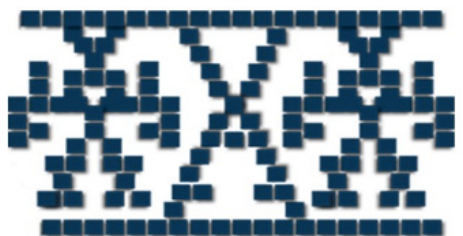
Vải thổ cẩm thường là lễ vật trong đám hỏi, đám cưới; là món quà của mẹ tặng con vào những dịp trọng đại.

Tỉnh Đắk Nông đang nỗ lực bảo tồn, phát huy nghề dệt thổ cẩm và các giá trị văn hoá truyền thống, nét đặc trưng của các dân tộc thể hiện trên vải thổ cẩm.

3. Mô phỏng họa tiết thổ cẩm Đắk Nông



Hình 6.9. Họa tiết trên váy dân tộc M'Nông
(Ảnh: Nguyễn Xuân Hải)



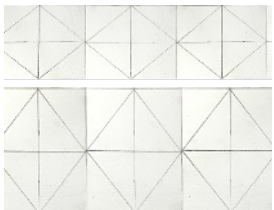
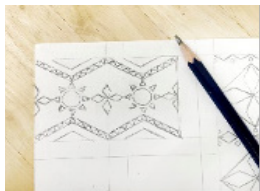
Hình 6.10. Mô phỏng lại tạo hình của họa tiết trên váy của dân tộc M'Nông
(Ảnh: Ngọc Anh)



Luyện tập

Cùng nhau thể hiện: *Nếu mô phỏng lại các họa tiết thổ cẩm, em sẽ làm thế nào?*

1) Vận dụng nhịp điệu của đường nét, họa tiết hoa văn thổ cẩm vào trang trí đường diềm.

Bước 1 Vẽ khuôn đường diềm, chia đường diềm thành nhiều ô, kẻ đường trục cho các ô.	Bước 2 Xác định và lựa chọn hình ảnh tạo họa tiết 1 và 2.	Bước 3 Vẽ phác họa họa tiết áp dụng hình thức đối xứng, xen kẽ, lặp lại để tạo nhịp điệu.	Bước 4 Vẽ màu và hoàn thiện đường diềm họa tiết thổ cẩm.
			

2) Em hãy lựa chọn và sáng tạo họa văn thổ cẩm bằng nhiều cách khác nhau.



Vận dụng

Trong gia đình em, những đồ vật nào có thể trang trí bằng họa tiết thổ cẩm? Em hãy lựa chọn và vận dụng họa tiết hoa văn để trang trí cho sản phẩm ấy.

*** Trưng bày và chia sẻ sản phẩm theo các gợi ý sau:**

- Em thích sản phẩm nào?
- Em đã sử dụng các nguyên lý tạo hình nào (đối xứng, xen kẽ, lặp lại, nhịp điệu) để tạo họa tiết thổ cẩm?
- Em đã thể hiện họa tiết bằng những cách nào hay kỹ thuật nào để tạo nên sự độc đáo của họa tiết hoa văn thổ cẩm trên sản phẩm?
- Trình bày ý nghĩa thông điệp thông qua sản phẩm. (Ý nghĩa của họa tiết khi ứng dụng trên sản phẩm).



Hình 6.11. Mẫu sản phẩm trưng bày
(Ảnh: Ngọc Anh)

Bài 2. HỌA TIẾT HOA VĂN TRUYỀN THỐNG CỦA MỘT SỐ DÂN TỘC TẠI ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân biệt được những đặc điểm nổi bật về họa tiết đặc trưng của một số dân tộc tại Đắk Nông.
- Vận dụng được họa tiết hoa văn vào trang trí các sản phẩm đặc trưng của từng dân tộc tại địa phương.
- Trình bày được mục đích sáng tạo của sản phẩm họa tiết hoa văn thổ cẩm Đắk Nông.



Khởi động

Quan sát các hình ảnh sau và trả lời các câu hỏi:

- Đây là trang phục của dân tộc nào?
- Sự khác biệt về màu sắc, hoa văn của từng loại trang phục như thế nào?



Hình 6.12. (Nguồn: Báo Đắk Nông điện tử)



Hình 6.13. (Ảnh: Nguyễn Xuân Hải)



Khám phá

Khám phá họa tiết trang trí trên các loại hình nghệ thuật Đắk Nông

Quan sát một số hình ảnh và thảo luận nhóm theo gợi ý dưới đây để tìm hiểu về họa tiết trang trí trên các sản phẩm thuộc nhiều dân tộc và loại hình nghệ thuật Đắk Nông theo các gợi ý sau:

- Em hãy gọi tên/xác định các loại hình nghệ thuật có ứng dụng họa tiết hoa văn trang trí.
- Em hãy đoán các nội dung chủ yếu trên các họa tiết là gì?
- Em hãy nêu nhận xét về các họa tiết hoa văn: đường nét, màu sắc?



Hình 6.14. Điều khắc trên cột nhà của dân tộc Ê Đê (Nguồn: Báo ảnh Dân tộc và Miền núi)



Hình 6.15. Giỏ đan của dân tộc M'Nông (Ảnh: Ngọc Anh)



Hình 6.16. Trang phục dân tộc Mạ (Nguồn: Báo ảnh Dân tộc và Miền núi)



Hình 6.17. Trang phục dân tộc M'Nông (Ảnh: Nguyễn Xuân Hải)

EM CÓ BIẾT?

Họa tiết hoa văn là một hình thức ngôn ngữ vì thông qua các hình ảnh cách điệu thể hiện trên các mô típ của họa tiết đã diễn tả thế giới quan và bản sắc đặc trưng của các dân tộc.

Mỗi dân tộc tại Đắk Nông (gồm M'Nông, Mạ, Ê Đê... và các dân tộc phía Bắc di cư đến Đắk Nông) đều có những bản sắc riêng, thể hiện qua các mô típ trang trí hoa văn. Tất cả đã tạo nên bản sắc văn hoá Tây Nguyên phong phú và đa dạng, là niềm tự hào của tỉnh Đắk Nông.



Luyện tập

- 1) Em hãy sưu tầm hình ảnh các họa tiết hoa văn của các dân tộc ở Đắk Nông và sắp xếp theo nhóm các chủ đề và đặt tên cho nhóm đó.
- 2) Dựa vào họa tiết, hoa văn của một dân tộc tại địa phương mà em thích, em hãy tạo khuôn in và bản in họa tiết trang trí.

Bước 1 Xác định bố cục, họa tiết, tìm và vẽ mảng họa tiết một dân tộc tại địa phương.	Bước 2 Sao chép họa tiết đã chọn ở bước 1 và tạo khuôn in.	Bước 3 Tạo bản in họa tiết hoa văn.	Bước 4 Hoàn thiện sản phẩm.
			

Em hãy lựa chọn và vận dụng họa tiết hoa văn mà em đã sáng tạo vào trang trí một trong số các sản phẩm sau: thiệp, li, đĩa, nhãn tên, lọ hoa, chén, túi xách,...

*** Trưng bày và chia sẻ sản phẩm theo các gợi ý sau:**

Em thích sản phẩm nào?

- Em hãy mô tả đường nét, hình, màu sắc được tạo thành từ họa tiết của sản phẩm.

- Nội dung, nguồn gốc họa tiết em đã sử dụng để trang trí sản phẩm?

- Em đã thể hiện họa tiết bằng những cách nào hay kỹ thuật nào để tạo nên sự độc đáo của họa tiết hoa văn truyền thống của một số dân tộc tại Đắk Nông trên sản phẩm?

- Ý nghĩa thông điệp thông qua sản phẩm? (Ý nghĩa của họa tiết khi ứng dụng trên sản phẩm?).



Hình 6.18. Mẫu sản phẩm trưng bày
(Ảnh: Ngọc Anh)

Bài 3. THỰC HÀNH ỨNG DỤNG HỌA TIẾT THỎ CẨM TRONG ĐỒ HỌA, CHẠM KHẮC VÀ TRANG TRÍ

Yêu cầu cần đạt

- Phân loại được sản phẩm thiết kế đồ họa, chạm khắc và trang trí.
- Hiểu và thực hành ứng dụng được các họa tiết hoa văn thổ cẩm trong đồ họa, chạm khắc và trang trí sản phẩm.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của họa tiết thổ cẩm trong thiết kế đồ họa và chạm khắc, trang trí.



Khởi động

Khái niệm về đồ họa, điêu khắc và trang trí

Đồ họa bao gồm đồ họa tạo hình và đồ họa ứng dụng: đồ họa tạo hình là các thể loại tranh khắc, tranh được in trực tiếp qua bàn tay họa sĩ (tranh khắc gỗ). Đồ họa ứng dụng hầu hết là các tác phẩm mỹ thuật được in ấn hàng loạt bằng quy trình công nghiệp nhằm ứng dụng một cách phổ cập vào đời sống, như các thể loại tranh minh họa, tranh cổ động, tem thư, logo, bao bì, nhãn hiệu,...

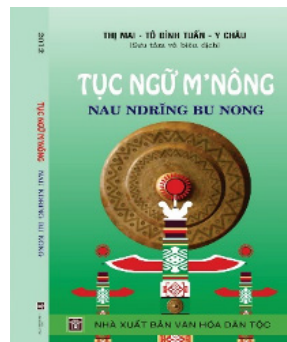
Điêu khắc và trang trí được chạm khắc trên cột nhà, xà gồ và trên những bức tượng bằng gỗ,...



Hình 6.19.
(Ảnh: Đào Văn Minh)



Hình 6.20.
(Ảnh: Nguyễn Ngọc Khai)



Hình 6.21.
(Ảnh: Nguyễn Ngọc Khai)



Khám phá

Phân loại sản phẩm thiết kế đồ họa, chạm khắc và trang trí

Quan sát một số hình ảnh và thảo luận nhóm theo gợi ý dưới đây để phân loại sản phẩm theo các thể loại thiết kế đồ họa, trang trí và chạm khắc và cho biết:

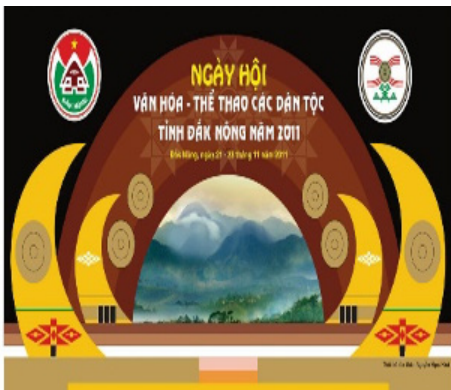
- Họa tiết hoa văn, hình ảnh chủ yếu trên các sản phẩm là gì?
- Nhận xét về bố cục, cách sắp xếp các họa tiết hoa văn, màu sắc trên các sản phẩm đồ họa, chạm khắc và trang trí?



Hình 6.22.
(Ảnh: Nguyễn Xuân Hải)



Hình 6.23.
(Ảnh: Nguyễn Xuân Hải)



Hình 6.24.
(Ảnh: Nguyễn Ngọc Khai)



Hình 6.25.
(Nguồn: danvan.vn)



Theo em, sản phẩm đồ họa, chạm khắc và trang trí khác với hội họa thế nào?

EM CÓ BIẾT?

Đồ họa, chạm khắc và trang trí truyền thống đa phần sử dụng các kỹ thuật thủ công, tính ứng dụng trong cuộc sống có phần hạn chế.

Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, các thể loại đồ họa, chạm khắc và trang trí ngày càng phát triển về mặt kỹ thuật và công nghệ.

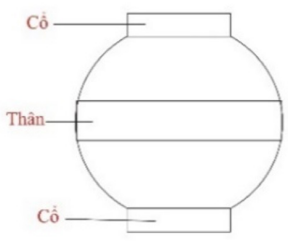
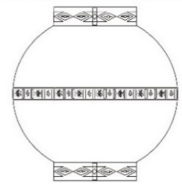
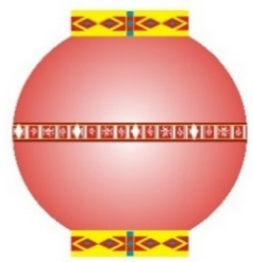
Kỹ thuật đồ họa và in ấn hiện đại giúp tăng tính ứng dụng các họa tiết hoa văn truyền thống trong trang trí các sản phẩm, đóng góp rất lớn trong việc gia tăng giá trị sản phẩm và góp phần bảo tồn, phát huy tính truyền thống dân tộc.



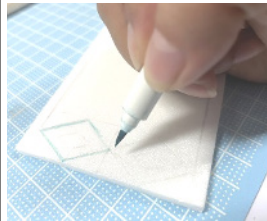
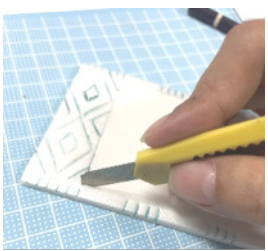
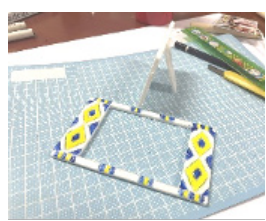
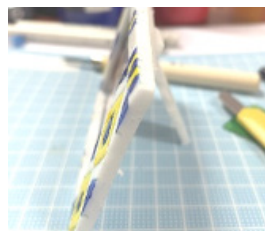
Luyện tập

Cùng nhau sáng tạo: Ứng dụng họa tiết hoa văn thổ cẩm trong:

a. Thiết kế đồ họa trang trí đèn lồng

Bước 1	Bước 2	Bước 3
- Xác định vật cần trang trí  - Xác định các bộ phận để trang trí hoa văn thổ cẩm 	- Tạo bản khắc in để nhân bản 	- In họa tiết thổ cẩm trang trí Cách 1: In nét xong rồi tô màu  Cách 2: Tô màu trực tiếp lên bản in 

b. Chạm khắc trang trí tạo khung ảnh

Bước 1	Bước 2	Bước 3	Bước 4
Chuẩn bị vật liệu, lựa chọn và phác thảo họa tiết hoa văn	Dùng dao chạm khắc theo các họa tiết đã phác thảo	Cắt tạo khung ảnh và tô màu trang trí	Hoàn thiện khung ảnh
 		 	 

Em hãy lựa chọn và vận dụng họa tiết hoa văn thổ cẩm vào trang trí một sản phẩm mà em thích bằng cách sử dụng các hình thức thiết kế đồ họa hoặc chạm khắc trang trí.



Vận dụng

Hãy ứng dụng các hình thức đồ họa, chạm khắc và trang trí trong thiết kế và sáng tạo mô hình hoặc sản phẩm.

*** Trưng bày và chia sẻ sản phẩm theo các gợi ý sau:**

- Em thích mô hình/sản phẩm nào?
- Em đã sử dụng kết hợp các hình thức nào (đồ họa, chạm khắc, trang trí)? Việc ứng dụng đồ họa, chạm khắc và trang trí đã giúp mô hình hoặc sản phẩm thay đổi ra sao?

- Ý nghĩa thông điệp thông qua sản phẩm?



6.26

(Ảnh: Nguyễn Xuân Hải)

Bài 4. THIẾT KẾ THỜI TRANG: TRANG PHỤC DÂN TỘC TẠI ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số ý kiến về bố cục và tỉ lệ của hình, màu trên sản phẩm thời trang.
- Tạo được sản phẩm thời trang có họa tiết trang trí đặc trưng của các dân tộc tại Đắk Nông.
- Chia sẻ được vẻ đẹp và giá trị mỹ thuật trên trang phục đã sáng tạo và của một số trang phục dân tộc tại Đắk Nông.



Khởi động

Trung bày các hình ảnh trang phục dân tộc đã sưu tầm.



Khám phá

Trang phục truyền thống của các dân tộc tại Đắk Nông

Quan sát một số hình ảnh và chỉ ra:

- Đặc điểm kiểu dáng trang phục truyền thống của các dân tộc tại Đắk Nông. Cấu tạo của trang phục gồm những phần nào?
- Nét, hình, màu, cách thức sắp xếp các họa tiết trang trí trên trang phục.



Hình 6.27. Trang phục dân tộc M'Nông
(Ảnh: Nguyễn Xuân Hải)



Hình 6.28. Trang phục dân tộc Mạ
(Nguồn: Báo ảnh Dân tộc và miền núi)



Hình 6.29. Trang phục dân tộc Ê Đê
(Nguồn: Báo Đắk Nông điện tử)

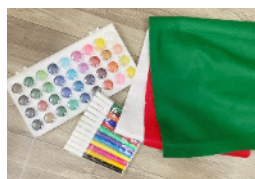
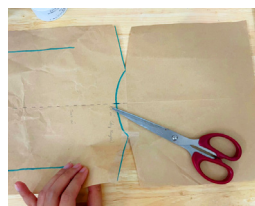
Trang phục phụ nữ dân tộc Ê Đê chúng tôi thường có hai phần: phần áo cổ thuyền với tay lửng và phần chân váy dài chấm gót. Trang phục thường có màu đen, điểm xuyết những đường điểm trang trí trên cổ áo, chân áo và thân váy.



Luyện tập

Gợi ý cách tạo dáng và trang trí trang phục dân tộc tại Đắk Nông bằng hình thức vẽ, cắt dán,...

Bước 1 Chuẩn bị	Bước 2 Đo kích thước trang phục và vẽ phác thảo	Bước 3 Cắt và dán	Bước 4 Trang trí và hoàn thiện trang phục
--------------------	--	----------------------	--



Lưu ý!

Có thể sử dụng họa tiết đã sưu tầm ở tiết trước làm họa tiết trang trí sản phẩm **thời trang**.

- Nhiệm vụ:

1. Cùng nhau tạo dáng bộ trang phục dân tộc.
2. Cùng nhau trang trí bộ trang phục bằng các họa tiết hoa văn truyền thống bằng nhiều hình thức khác nhau (đồ họa, chạm khắc, trang trí).



Vận dụng

- Hãy hình dung các hoạt động, sự kiện mà em có thể sử dụng bộ trang phục, từ đó thiết kế, tạo dáng, trang trí bộ trang phục, phụ kiện đi kèm cho phù hợp.

- Hãy giới thiệu và trình diễn bộ trang phục em đã thiết kế.

* Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

Nêu cảm nhận và phân tích:

- Em thích bộ trang phục nào?
- Em hãy giới thiệu về bộ trang phục từ ý tưởng, kiểu dáng, màu sắc, họa tiết trên trang phục.



Hình 6.30. Sản phẩm của học sinh Nguyễn Trần Gia Ân – Lớp 7D, Trường THCS Trần Phú, TP Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông



VÀI NÉT VỀ ÂM NHẠC Ê ĐÊ TRÊN QUÊ HƯƠNG ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Hát đúng giai điệu, lời ca bài *Lên nương bẻ bắp* (dân ca Ê Đê); biết gõ đệm hoặc vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu.
- Nêu được những đặc điểm cơ bản của một số nhạc cụ truyền thống ở tỉnh Đắk Nông.
- Nêu được vài nét về cuộc đời của nghệ nhân Y Sim Êban.
- Lắng nghe và nêu cảm nhận về một tác phẩm âm nhạc truyền thống của đồng bào Ê Đê tỉnh Đắk Nông.
- Biết bảo tồn, phát huy và trân trọng những nét đẹp văn hoá của quê hương Đắk Nông.

Bài 1. Hát: *LÊN NƯƠNG BẺ BẮP*

Dân ca Ê Đê

Lời mới: Huỳnh Ngọc La Sơn



Khởi động

Lắng nghe tác phẩm âm nhạc truyền thống của đồng bào Ê Đê theo đường link:
<https://www.youtube.com/watch?v=jd3zFEHetys>.



Khám phá

Bài hát *Lên nương bẻ bắp* là bài dân ca của dân tộc Ê Đê, một dân tộc sống ở vùng Tây Nguyên. Bài hát có giai điệu vui tươi, nhí nhảnh, đã được nhạc sĩ Huỳnh Ngọc La Sơn đặt lời mới với nội dung ca ngợi vẻ đẹp của núi rừng, nơi có bầy chim lang thang trên nương đồi, nơi có dòng suối chảy róc rách tuôn trào đưa nước về các buôn làng cho cuộc sống người dân ấm no, hạnh phúc.

Bài hát còn thể hiện niềm vui của em bé khi theo mẹ lên nương bẻ bắp với không gian thiên nhiên tươi đẹp của núi rừng Tây Nguyên.

Bài hát có cấu trúc một đoạn nhạc gồm 2 câu nhạc, với 2 lời ca được chia thành 8 câu hát.

LÊN NƯƠNG BỂ BẮP

Dân ca Ê Đê

Lời mới: Huỳnh Ngọc La Sơn

Vừa phải, nhí nhảnh

Tiếng chim hót vang gọi bình minh đến chơi.
Nắng trên núi cao gọi bầy chim đến chơi.

Em mang gùi cùng mẹ lên nương đồi.
Câu hát ai rộn ràng khắp đất trời.

Cùng mẹ bể bắp em thấy lòng mình thật vui.
Hòa cùng niềm vui con suối chảy về làng buồn.

Rồi cùng mẹ em mang bắp về gùi nặng vai.
Gùi nặng bờ vai mang bắp về từ đồi nương.



- 1) Hãy nêu cảm nhận của em khi nghe bài hát *Lên nương bể bắp*.
- 2) Theo em, bài hát được chia thành mấy câu hát. Hãy chỉ ra từng câu.
- 3) Hãy nêu một vài việc làm của em để giúp đỡ bố mẹ trong cuộc sống hằng ngày.



Luyện tập

1. Hát bài hát *Lên nương bể bắp* với giọng tự nhiên và thể hiện được tính chất vui tươi, nhí nhảnh của bài.
2. Hát kết hợp vỗ tay theo phách hoặc vận động theo tiết tấu của bài.

Tiếng chim hót vang gọi bình minh đến chơi.

3. Nêu ý nghĩa nội dung bài hát *Lên nương bẻ bắp* theo cảm nhận của em.

4. Qua bài hát *Lên nương bẻ bắp*, hãy vẽ bức tranh khắc họa khung cảnh, không gian thiên nhiên của núi rừng Tây Nguyên và trưng bày bức vẽ này trong tiết sau (tiết ôn tập kết thúc chủ đề).



Vận dụng

1. Hát nối tiếp và hòa giọng

+ Nhóm 1: Hát câu thứ nhất và câu thứ ba.

Câu 1: Tiếng chim hót ... đến chơi.

Câu 3: Cùng mẹ ... thật vui.

+ Nhóm 2: Hát câu thứ hai và câu thứ tư.

Câu 2: Em mang gùi ... nương đồi.

Câu 4: Rồi cùng mẹ ... nặng vai.

+ Hai nhóm hát hòa giọng lời thứ hai.

Lời 2: Nắng trên núi cao ... về từ đồi nương.

2. Hãy sáng tạo động tác phù hợp để minh họa cho bài hát *Lên nương bẻ bắp* sử dụng trong tiết học sau.

3. Chia sẻ với bạn về những bài dân ca Ê Đê mà em biết.

Bài 2. MỘT SỐ NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI Ê ĐÊ Ở TỈNH ĐẮK NÔNG. ÔN BÀI HÁT: *LÊN NƯƠNG BỂ BẮP*.



Khởi động

Lắng nghe và vận động cơ thể theo nhịp điệu bài hát *Lên nương bể bắp* đã chuẩn bị ở tiết trước.



Khám phá

MỘT SỐ NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI Ê ĐÊ Ở TỈNH ĐẮK NÔNG

1. Kèn Đing năm (Kèn bầu 6 ống)

Kèn *Đing năm* là một nhạc cụ thuộc họ hơi của người Ê Đê. Theo tiếng Ê Đê, “đing” có nghĩa là ống, “năm” là số 6 trong hệ đếm của người Ê Đê.

Đing năm có cấu tạo chính gồm ống kèn và quả bầu chứa hơi thổi. Ống kèn là các ống nứa nhỏ gồm 6 ống dài ngắn khác nhau được xếp thành 2 bè, mỗi bè 3 ống.

Các ống nứa được cắm vào các lỗ ở thân quả bầu khô và được cố định bằng sáp ong, đầu trái bầu khô dùng để thổi, khi thổi, người thổi ngậm miệng vào núm quả bầu để thổi.

Âm thanh của *Đing năm* trầm bổng, cao vút, vọng vang khác nhau, tạo được nét hoang sơ của núi rừng Tây Nguyên.

Người Ê Đê thường thổi kèn *Đing năm* theo điệu hát Ayray, trong các buổi sinh hoạt vui chơi giải trí và trong các dịp lễ hội hay sinh hoạt cộng đồng như: đám tang, lễ mừng lúa mới, lễ cầu mưa, lễ cúng bến nước v.v.

Kèn *Đing năm* có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần và đời sống tâm linh của người Ê Đê.



Hình 7.1. Nhạc cụ Đing năm

(Ảnh: Huỳnh Quốc Tú - giáo viên Trường THCS Cao Bá Quát, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông)



Hình 7.2. Nghệ nhân Y Sim Êban biểu diễn kèn Đing năm
(Ảnh: Nguyễn Thị Thu Hiền – giáo viên Trường THCS Ngô Quyền,
huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông)

- 1) Em hãy nêu cấu tạo và âm sắc của kèn Đing năm.
- 2) Kèn Đing năm được người Ê Đê dùng vào các dịp nào? Hãy cho biết ý nghĩa của việc làm này.

2. Ching kram (Chiêng tre)

Ching kram (Chiêng tre) là một loại nhạc cụ của dân tộc Ê Đê, thuộc họ tự thân vang.

Loại nhạc cụ này được chế tác từ ống tre, ống nứa của núi rừng Tây Nguyên.

Theo quan niệm của đồng bào Ê Đê, số lẻ là số của sự may mắn nên mỗi bộ *Ching kram* thường có 5, 7, 9 chiếc hợp lại thành một dàn chiêng.

Cấu tạo: gồm những thanh tre dày 1cm, dài từ 29cm - 45cm, bản rộng 4,3cm - 5,2cm. Mỗi thanh có kèm theo một dùi gỗ và một ống tre dài 20cm - 25cm làm bầu cộng hưởng.



Hình 7.3. Nhạc cụ Ching kram
(Ảnh: Huỳnh Quốc Tú - giáo viên Trường
THCS Cao Bá Quát, huyện Cư Jút,
tỉnh Đắk Nông)

Khi diễn tấu, người sử dụng kẹp ống cộng hưởng vào giữa hai chân, tay cầm dùi gỗ vào thanh tre tạo ra âm thanh rền chắc, rộn ràng, dồn dập. Bộ *Ching kram* cũng có đầy đủ các tiết tấu âm sắc như bộ chiêng đồng. Tuy nhiên, *Ching kram* rất gần gũi với đời sống của đồng bào Ê Đê bởi sự đơn giản trong diễn tấu và vật liệu chế tác có từ thiên nhiên dễ tìm kiếm. *Ching kram* có vị trí đặc biệt trong đời sống văn hoá của cộng đồng người Ê Đê.

Ching kram được sử dụng trong nhiều lễ hội của buôn làng, lễ cúng của đồng bào Ê Đê, với giai điệu vui tươi, rộn ràng, *Ching kram* giúp mọi người thư giãn, giải trí sau những giờ lao động mệt nhọc trên nương rẫy, đồng thời còn là một ngôn ngữ kì diệu kết nối tâm hồn con người với thế giới tâm linh.



Hình 7.4. Nghệ nhân biểu diễn Ching kram (Chiêng tre)
(Nguồn: Ảnh tư liệu)

- Giáo viên cho học sinh nghe một số trích đoạn biểu diễn Đing năm và *Ching kram*.
Tham khảo tại các đường link:
<https://www.youtube.com/watch?v=QwyIg38IRw>
<https://www.youtube.com/watch?v=sRWEL6rZebI>
- Vận động theo giai điệu ở trên bằng các động tác phù hợp.



- 1) Em hãy nêu cấu tạo và âm sắc của Ching kram (Chiêng tre).
- 2) Hãy cho biết Ching kram (Chiêng tre) được biểu diễn trong các dịp nào của đồng bào Ê Đê và có cấu tạo gồm bao nhiêu chiếc hợp thành?
- 3) Hãy kể tên một số nhạc cụ của đồng bào Ê Đê mà em biết.



Luyện tập

Ôn bài hát: Lên nương bẻ bắp.

1. Lắng nghe và hát bài hát *Lên nương bẻ bắp* với giọng tự nhiên và thể hiện được tính chất vui tươi, nhí nhảnh của bài.

2. Hát kết hợp với gõ đệm hoặc vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu.



The musical score is in 2/4 time. The melody is written on a single staff with a treble clef and a key signature of one flat (B-flat). The lyrics are: "Tiếng chim hót vang gọi bình minh đến chơi." Below the melody are three percussion lines, each with a 2/4 time signature. The first line is for a drum, the second for a xylophone, and the third for a triangle. The percussion patterns are designed to complement the melody's rhythm.

Vận dụng

Là người con sống trên quê hương Đắk Nông, hãy trình bày niềm tự hào của em về nền văn hoá đa sắc tộc của quê hương Đắk Nông, đặc biệt là văn hoá dân gian Ê Đê.

Bài 3. GIỚI THIỆU NGHỆ NHÂN Y SIM ÊBAN

GIỚI THIỆU BÀI HÁT: *BÊN NƯỚC BUÔN DUR KĂN*



Khởi động

Học sinh lắng nghe một tác phẩm âm nhạc truyền thống của đồng bào Ê Đê và nêu cảm nhận khi nghe. Tham khảo tại:

https://www.youtube.com/watch?v=0nltEo1P6_c



Khám phá

1. Giới thiệu nghệ nhân Y Sim Êban

Nghệ nhân Y Sim Êban sinh ngày 05/11/1957, tại Buôn Nui, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Nghệ nhân Y Sim Êban sinh ra và lớn lên trong một gia đình giàu truyền thống âm nhạc, ngay từ khi sinh ra ông đã được thừa hưởng gen di truyền của cha là Y Hồn B'ya, là một nghệ nhân cồng chiêng có tiếng trong làng.

Từ nhỏ, nghệ nhân đã rất mê và ham thích các lễ hội của buôn làng, đam mê lớn nhất của ông là được xem đánh chiêng, nghe các loại nhạc cụ của dân tộc mình.



Hình 7.5. Nghệ nhân Y Sim Êban

(Ảnh: Phạm Thị Len - Giáo viên Trường THCS Trần Phú, TP Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông)

Cứ thế, tình yêu âm nhạc và yêu bản sắc văn hoá của người Ê Đê luôn trỗi dậy trong ông. Một lần nọ, ông xin vào đánh chiêng và được già làng chỉ bảo thêm, dần dần ông được mọi người yêu mến và tin tưởng truyền dạy thêm cho ông nhiều loại nhạc cụ khác của đồng bào Ê Đê như: Cồng chiêng, Đàn goong, Đing tuốt, Đing năm, Tù và, Đàn bruốt. Ông đã đánh thành thục 12 bài chiêng, trong đó có thể kể đến các bài tiêu biểu như: *A tông hurn mthao buôn sang* (Đánh báo lễ hội); *A tông akã kơ pia* (Đánh để cột ché rượu cần và giết heo gà); *A tông drông tue* (Đánh đón khách); *A tông Ngã yang* (Đánh làm lễ cúng),... Đặc biệt, ông là người chinh chiêng có tiếng trong vùng.

Năm 15 tuổi, ông được tham gia chính thức vào đội công chiêng của buôn làng và dần dần được giữ một vai trò quan trọng trong đội chiêng, tham gia vào các lễ hội của buôn như: lễ hội cúng Jàng, lễ hội cúng bến nước, cúng mừng nhà mới,...

Trong những năm tháng gắn liền với âm nhạc dân gian của đồng bào mình, những giai điệu thân thương gần gũi gắn với cuộc sống hằng ngày được ông gìn giữ và lưu truyền cho các thế hệ nhằm bảo tồn và không làm mai một nét văn hoá đặc trưng của đồng bào mình.

Để gìn giữ được nét văn hoá ấy, ông không ngừng học hỏi và truyền dạy cho con cháu, hiện nay ông đã mở lớp truyền dạy công chiêng và các nhạc cụ khác cho các thanh thiếu niên dân tộc Ê Đê trên địa bàn huyện Cư Jút. Con trai ông là Y Thoa cũng đang theo học và quyết tâm bảo tồn di sản văn hoá của dân tộc mình.

Với những công hiến cho việc phát huy, bảo tồn văn hoá dân tộc Ê Đê và những lần tham gia biểu diễn, ông đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông tặng nhiều bằng khen, năm 2015 ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”.



1) Em hãy nêu tóm tắt tiểu sử và những đóng góp của Nghệ nhân Y Sim Êban đối với nền văn hoá dân gian Ê Đê trên quê hương Đắk Nông.

2) Em hãy cho biết Nghệ nhân Y Sim Êban đánh thành thực bao nhiêu bài chiêng và chơi được các loại nhạc cụ gì?

2. Giới thiệu bài hát: *Bến nước Buôn Dur Kmăn*

BẾN NƯỚC BUỒN DƯ KẼM

Nhạc: Phỏng theo dân ca Ê Đê

Kí âm và đặt lời mới: Đặng Quang Kiên

The musical score is written on 15 staves in a 2/4 time signature. The melody is composed of eighth and quarter notes, with some rests. The lyrics are written below the notes, with some words in parentheses indicating breaths or specific phrasing. The score ends with a double bar line and a repeat sign, followed by two endings marked with '1.' and '2.'.

À ha ha ha Ha a ha ha ha Ha a ha ha ha Ha a
hà ha ha Oï con trai con gái ở Buôn Dư Kẽm
oi! Hỡi gái trai ở buôn làng mình, vui theo cùng nhịp chiêng chào
mừng. Lửa cháy lên vòng xoang nhịp nhàng, tay trong tay cùng đêm hội
này. Nhớ mãi những ngày vui làng mình, ta say cùng với chén rượu
đây. Nhớ mãi tiếng chiêng vọng vang nhà dài, Câu Ay-ray mình vẫn hát ngày
ngày. (Ư ha ư ha ư ha ha, ư ha ư ha ư ha ha)
Bến nước nơi ngày ta hẹn hò, Em đeo gùi nước đem về nhà. anh theo cùng về
nhà. Nhớ những đêm cùng trăng hẹn hò, Đỉnh Năm gọi thấy sao bồi hồi,
nghe sao lòng bồi hồi. Thấy thấp thoáng bóng dáng trắng như màu
hoa nồng nàn. Em như Pơ - lang dịu dàng khi kề bên gần nàng. Khi anh
đi bên em mới thấy rằng em thật đẹp. A
1. ha a ha A ha a ha. 2. Thấy thấp ha a ha.

Nghe bài hát tại đường link:

<https://www.youtube.com/watch?v=KIWP0TJBM7c>

Bài hát *Bến nước Buôn Dur Kmăn* được phỏng theo làn điệu Ayray (dân ca Ê Đê), có nội dung ca ngợi bến nước, ca ngợi về tình bạn, tình yêu quê hương, tình yêu đôi lứa, đồng thời là lời dặn dò của cha ông đối với con cháu và ca ngợi cuộc sống của đồng bào Ê Đê.

Trong tâm thức của người Ê Đê, bến nước chính là nguồn sống vô tận của vạn vật, trong đó con người được cho là chủ thể chính của muôn loài, bến nước còn là nơi khởi nguồn của sự sống, là nơi gắn bó của con người nơi đây.

Bài hát *Bến nước Buôn Dur Kmăn* có nhịp điệu sôi nổi, tiết tấu vui tươi rộn ràng, ca từ mộc mạc, giàu cảm xúc, thể hiện được giá trị tinh thần đáng trân trọng và là đề tài muôn thừa của đồng bào Ê Đê.



Nêu cảm nghĩ của em sau khi nghe bài hát *Bến nước Buôn Dur Kmăn*.



Luyện tập

Nghe và vận động theo nhịp điệu bài hát *Bến nước Buôn Dur Kmăn*.



Vận dụng

Em cần làm gì để gìn giữ và phát huy những nét đẹp truyền thống của quê hương Đắk Nông.

Bài 4. ÔN TẬP CHỦ ĐỀ - VẬN DỤNG SÁNG TẠO



Khởi động

Giáo viên tổ chức trò chơi, thông qua trò chơi chia nhóm học tập.

Trò chơi: Nhạc cụ của em.

Chuẩn bị: Phụ thuộc vào số lượng học sinh trong lớp mà Giáo viên chuẩn bị in các loại nhạc cụ ra giấy cho phù hợp với từng nhóm. Nhạc cụ tiết tấu gồm: Tambourine, Thanh phách, Triangle và hình người đứng hát.



Cách chơi:

Bước 1: Giáo viên phát ngẫu nhiên các tấm thẻ đã in các hình nhạc cụ cho học sinh.

Bước 2: Giáo viên giới thiệu nhạc cụ tiết tấu và cho học sinh nghe âm thanh của từng loại nhạc cụ.

Bước 3: Giáo viên chọn ngẫu nhiên một nhạc cụ và gõ, học sinh nhận dạng âm thanh. (Chú ý học sinh phải đứng ngược với giáo viên).

Bước 4: Khi nhạc cụ vang lên, học sinh phán đoán đó là nhạc cụ gì và mở tấm thẻ ra, em nào có nhạc cụ vừa nghe sẽ về chung một đội.

Tương tự sẽ là các nhạc cụ còn lại cho đến khi chia lớp thành 4 nhóm.

(Để cho sinh động, giáo viên có thể cho học sinh nghe bài *Bến nước Buôn Dur Măn* trong quá trình tổ chức hoạt động khởi động).



Khám phá

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ



1) Hát bài hát *Lên nương bẻ bắp* với giọng tự nhiên và thể hiện được tính chất vui tươi, nhí nhảnh của bài kết hợp vỗ tay hoặc vận động cơ thể theo nhịp của bài hát. (Đã chuẩn bị từ tiết trước).

2) Các nhóm thực hiện luyện tập hát và gõ đệm theo nhạc cụ tiết tấu đã học ở tiết trước.

Nhóm 1:  
 Tiếng chim hót vang gọi bình minh đến chơi.

Nhóm 2:  

Nhóm 3:  

Nhóm 4:  

Luyện tập

Các nhóm thực hiện thảo luận và trả lời các câu hỏi sau đây.

Câu hỏi 1: Trong những nhạc cụ sau đây, nhạc cụ nào là của người Ê Đê và có tên gọi là gì?



Nhạc cụ 1



Nhạc cụ 2



Nhạc cụ 3



Nhạc cụ 4



Nhạc cụ 5



Nhạc cụ 6

Câu hỏi 2: Theo em, Nghệ nhân Y Sim Êban đánh được bao nhiêu bài chiêng?

- A. 10 bài. B. 11 bài. C. 12 bài. D. 13 bài.

Câu hỏi 3: Nghệ nhân Y Sim Êban chơi được các loại nhạc cụ nào sau đây?

- A. Đàn goong, Đing tuốt, Đing năm, Tù và, Đàn bruốt, Klong put.
B. Đàn T'rung, Đàn goong, Đing tuốt, Đing năm, Tù và, Đàn bruốt.
C. Cồng chiêng, Đàn goong, Đing tuốt, Đing năm, Tù và, Đàn bruốt.
D. Đàn goong, Đing tuốt, Đing năm, Tù và, Đàn bruốt, Đàn T'rung.

Câu hỏi 4: Hãy cho biết nghệ nhân Y Sim Êban được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” vào năm nào trong các năm sau đây?

- A. Năm 2014. B. Năm 2015. C. Năm 2017. D. Năm 2018.

Câu hỏi 5: Em hãy mô tả cách diễn tấu của kèn *Đing năm* và *Ching kram* (Chiêng tre).



Vận dụng

- 1) Các nhóm trưng bày bức tranh khắc họa khung cảnh, không gian thiên nhiên của núi rừng Tây Nguyên đã chuẩn bị từ tiết trước.
- 2) Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn.
- 3) Giáo viên nhận xét và đánh giá sản phẩm của từng nhóm.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH ĐẮK NÔNG, LỚP 7
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG, SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở:

Phòng 501, Nhà Điều hành ĐHQG-HCM, phường Linh Trung,
thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 028 62726361

E-mail: vnuhp@vnuhcm.edu.vn

Website: www.vnuhcmpress.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung

TS ĐỖ VĂN BIÊN

Biên tập

LÊ THỊ MINH HUỆ

Sửa bản in

THANH HÀ

Trình bày, bìa

TRẦN HIỆP PHÁT

Đối tác liên kết

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC SÀI GÒN

Tái bản lần thứ 1 có chỉnh sửa, bổ sung. Số lượng in: 10.000 cuốn, khổ 19 x 26.5 cm.
Số XNĐKXB: 2695-2023/CXBIPH/3-42/ĐHQGTPHCM. QĐXB số: 127/QĐ-NXB-TB
cấp ngày 16/8/2023. In tại: Xí nghiệp In II – Công ty TNHH MTV In Ba Đình.
Địa chỉ: 258 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM.
Nộp lưu chiếu: Năm 2023. ISBN: **978-604-479-099-2**.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ bởi Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ
Việt Nam. Nghiêm cấm mọi hình thức xuất bản, sao chép, phát tán nội dung
khi chưa có sự đồng ý của tác giả và Nhà xuất bản.

ĐỂ CÓ SÁCH HAY, CẦN CHUNG TAY BẢO VỆ TÁC QUYỀN!